

CÔNG TY CỔ PHẦN
KHỦ TRÙNG VIỆT NAM

Số: 18 /2026/VFG-QHCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRÙNG VIỆT NAM

- Mã chứng khoán: VFG

- Trụ sở chính: 29 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP. HCM

- Điện thoại: 028. 3822 8097 Fax: 028. 3829 0457

- E-mail: Info@vfc.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên 2025

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 07/04/2026 tại đường dẫn www.vfc.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

TIN

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG



TRẦN VĂN DŨNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

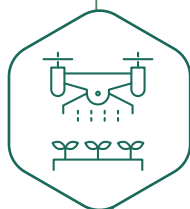


GIÁ TRỊ ĐÍCH THỰC

CÔNG TY CỔ PHẦN
KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

KHƠI MẠCH GIÁ TRỊ

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN



2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
KHỬ TRÙNG VIỆT NAM



MỤC LỤC

Thư Chủ tịch Hội đồng quản trị Thư Tổng giám đốc

6
8

01 Thông tin chung

1.1	Thông tin tổng quan	12
1.2	Quá trình hình thành và phát triển	14
1.3	Các giải thưởng và thành tựu đạt được	16
1.4	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	18
1.5	Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	24
1.6	Định hướng phát triển	26
1.7	Các rủi ro	30

02 Tình hình hoạt động trong năm

2.1	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	34
2.2	Tổ chức và nhân sự	38
2.3	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	44
2.4	Tình hình tài chính	46
2.5	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	48
2.6	Tác động liên quan đến môi trường và xã hội	50

03 Báo cáo Ban Tổng giám đốc

3.1	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	54
3.2	Đánh giá tình hình tài chính	60
3.3	Kế hoạch phát triển trong tương lai	65
3.4	Nhận xét chung	68
3.5	Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	70
3.6	Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	70



04 Đánh giá của Hội đồng quản trị

4.1	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	74
4.2	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc	75
4.3	Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị	76

05 Quản trị công ty

5.1	Hội đồng quản trị	80
5.2	Ban Kiểm soát	90
5.3	Ban điều hành	93
5.4	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	93

06 Báo cáo Tài chính

6.1	Báo cáo của ban Tổng giám đốc	102
6.2	Báo cáo kiểm toán độc lập	105
6.3	Bảng cân đối kế toán hợp nhất	108
6.4	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	112
6.5	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	114
6.6	Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	117

THƯ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trương Công Cứ

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Kính gửi Quý Cổ đông, Đối tác và toàn thể Cán bộ Nhân viên,

Năm 2025 đánh dấu một cột mốc ý nghĩa trong hành trình phát triển của Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam. Trải qua hơn 50 năm hình thành và phát triển, Công ty đã từng bước xây dựng được nền tảng vững chắc và khẳng định vị thế là một doanh nghiệp có uy tín trong lĩnh vực nông dược và dịch vụ kỹ thuật tại Việt Nam.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới và thị trường nông nghiệp tiếp tục có nhiều biến động, các doanh nghiệp trong ngành phải đối mặt với nhiều thách thức đến từ sự thay đổi của chu kỳ nông sản, áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng và yêu cầu ngày càng cao về minh bạch và quản trị doanh nghiệp.

Trước những biến động đó, Hội Đồng Quản Trị cùng Ban Điều hành đã tập trung triển khai nhiều giải pháp nhằm củng cố nền tảng hoạt động, nâng cao hiệu quả quản trị và đảm bảo sự phát triển ổn định của doanh nghiệp.

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục phát triển các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi bao gồm:

- Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Dịch vụ khử trùng hàng hóa xuất nhập khẩu
- Dịch vụ kiểm soát sinh vật gây hại
- Khai thác và vận hành tòa nhà văn phòng.

Song song với việc duy trì hiệu quả hoạt động kinh doanh, Hội Đồng Quản Trị đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, tăng cường tính minh bạch trong hoạt động và đảm bảo tuân thủ các chuẩn mực quản trị của doanh nghiệp niêm yết.

Hướng tới giai đoạn phát triển mới, Công ty tiếp tục định hướng nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng hệ thống phân phối, phát triển các giải pháp kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp và từng bước gia tăng giá trị cho cổ đông cũng như các bên liên quan.

Với nền tảng hơn 50 năm phát triển, cùng với sự đồng hành của Quý Cổ đông, Đối tác và toàn thể Cán bộ Nhân viên, chúng tôi tin tưởng rằng Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam sẽ tiếp tục phát triển bền vững và đóng góp tích cực cho sự phát triển của ngành nông nghiệp Việt Nam.

Thay mặt Hội Đồng Quản Trị, tôi xin trân trọng cảm ơn Quý Cổ đông, Đối tác và toàn thể Cán bộ Nhân viên đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng công ty.

Trân trọng.

THƯ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông
Trần Văn Dũng

Tổng Giám Đốc



Kính gửi Quý Cổ đông,

Năm 2025 là một năm với nhiều biến động đối với thị trường nông nghiệp và ngành nông dược. Giá nông sản thay đổi theo chu kỳ thị trường, tâm lý đầu tư của người nông dân có xu hướng thận trọng hơn, trong khi cạnh tranh trong ngành ngày càng gia tăng khi nhiều doanh nghiệp tăng cường các chính sách thương mại nhằm duy trì thị phần.

Bên cạnh đó, các yêu cầu về minh bạch tài chính, quản trị rủi ro và tuân thủ pháp luật ngày càng được siết chặt, đòi hỏi doanh nghiệp tiếp tục nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả vận hành.

Trong bối cảnh đó, Ban Điều hành Công ty đã triển khai các giải pháp điều hành theo định hướng: ổn định nền tảng – nâng cao chất lượng doanh thu – tăng trưởng bền vững.

Hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục được triển khai trên các lĩnh vực cốt lõi:

- Ngành Nông dược tiếp tục là lĩnh vực kinh doanh chủ lực của Công ty, đóng góp tỷ trọng lớn trong doanh thu và lợi nhuận. Công ty tập trung phát triển danh mục sản phẩm phục vụ các cây trồng chủ lực và củng cố hệ thống phân phối nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động bán hàng.
- Dịch vụ Khử trùng tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong việc cung cấp dịch vụ kỹ thuật phục vụ hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, đặc biệt là các mặt hàng nông sản.
- Dịch vụ Kiểm soát sinh vật gây hại (Pest Control) tiếp tục được mở rộng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của các nhà máy, kho bãi, khu công nghiệp và các công trình dân dụng.
- Hoạt động khai thác và cho thuê văn phòng tiếp tục mang lại nguồn thu ổn định và góp phần tối ưu hóa hiệu quả sử dụng tài sản của công ty.

Trong thời gian tới, Ban Điều hành sẽ tiếp tục tập trung vào các định hướng trọng tâm:

- Phát triển và củng cố hệ thống phân phối
- Nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ
- Tăng cường năng lực quản trị và kiểm soát rủi ro
- Thúc đẩy phát triển bền vững.

Với nền tảng hơn 50 năm phát triển cùng sự đồng hành của Hội Đồng Quản Trị, Quý Cổ đông và toàn thể Cán bộ Nhân viên, Ban Điều hành định hướng tiếp tục duy trì sự phát triển ổn định và nâng cao giá trị doanh nghiệp trong những năm tới.

Thay mặt Ban Điều hành, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý Cổ đông, Đối tác và toàn thể Cán bộ Nhân viên đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng công ty.

Trân trọng.

Chương 01

Thông tin chung

1.1	Thông tin tổng quan	12
1.2	Quá trình hình thành và phát triển	14
1.3	Các giải thưởng và thành tựu đạt được	16
1.4	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	18
1.5	Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	24
1.6	Định hướng phát triển	26
1.7	Các rủi ro	30

THÔNG TIN TỔNG QUAN

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM
Tên tiếng Anh	VIETNAM FUMIGATION JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	VFC
Mã cổ phiếu	VFG
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	0302327629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/12/2001, thay đổi lần thứ 32 ngày 31/07/2025.
Vốn điều lệ	417.146.140.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	417.146.140.000 đồng
Địa chỉ	29 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh.
Số điện thoại	028 3822 8097
Số fax	028 3829 0457
Website	www.vfc.com.vn



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1976

Thành lập Đội Khử Trùng trực thuộc Cục Bảo vệ Thực vật - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đặt nền móng cho hoạt động khử trùng chuyên nghiệp tại Việt Nam.

1993

Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm chính thức quyết định thành lập Công ty Khử trùng Việt Nam trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị Khử trùng I và II, trụ sở đặt tại TP.HCM.

2001

Phần còn lại tiếp tục cổ phần hóa, hình thành Công ty Cổ phần Khử trùng Giám định Việt Nam; cuối năm, hai công ty được sáp nhập, nâng vốn điều lệ lên

28,63 tỷ đồng

2009

Tháng 8/2009, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam; đến tháng 12/2009, cổ phiếu VFG chính thức niêm yết trên HOSE.

VFG

2019

Tiếp tục củng cố hệ thống bằng việc sắp xếp, sáp nhập chi nhánh và đầu tư nâng cấp nhà máy, trang thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh.

2023

Ghi dấu mốc kỷ lục với doanh thu 3.262 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 296 tỷ đồng, củng cố vị thế doanh nghiệp khử trùng hàng đầu Việt Nam.

2025

Tiếp tục mục tiêu tăng trưởng bền vững, đẩy mạnh tái cấu trúc, chuyển đổi số, phát triển các dự án sinh học - hữu cơ công nghệ cao và mở rộng thị trường, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển mới.

1985

Hợp nhất từ Công ty Khử Trùng 1 và 2 thành Công ty Khử Trùng Việt Nam.

1999

Đánh dấu bước chuyển quan trọng khi bộ phận kinh doanh nông được cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam với vốn điều lệ

16,63 tỷ đồng

2007

Đánh dấu bước mở rộng mạnh mẽ: Công ty phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và đối tác chiến lược, sáp nhập với Công ty Đầu tư Hồng Đức, nâng vốn điều lệ lên 46 tỷ đồng và trở thành công ty đại chúng.

2012

Triển khai dự án tái cấu trúc toàn diện, đổi mới mô hình kinh doanh và quản trị.

2022

Phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên

417,146 tỷ đồng

2024

Hoàn tất thỏa thuận góp vốn, đưa Công ty TNHH Hải Yến trở thành công ty con; lợi nhuận sau thuế toàn Tập đoàn đạt 470,61 tỷ đồng - năm thứ ba liên tiếp tăng trưởng ấn tượng.

CÁC GIẢI THƯỞNG & THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC

Mang sứ mệnh “Phát triển nền nông nghiệp bền vững và cải thiện môi trường sống thông qua việc cung cấp các giải pháp hỗ trợ nông nghiệp và dịch vụ kiểm soát dịch hại ứng dụng công nghệ tiên tiến”, VFC không ngừng đổi mới để nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, từng bước khẳng định vai trò tiên phong trong lĩnh vực khử trùng và nông được tại Việt Nam.

Những nỗ lực ấy đã được ghi nhận bằng nhiều giải thưởng và huân chương danh giá, minh chứng rõ nét cho những đóng góp quan trọng của VFC đối với sự phát triển của ngành nông nghiệp và nền kinh tế quốc gia.

1989

HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG

HẠNG
3

1998



Được chọn làm điều phối viên dự án về các giải pháp thay thế Methyl Bromide trong khử trùng nhằm bảo vệ tầng Ozone của Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên hiệp quốc (UNIDO).

1999



HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG



2001

HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG



2009

Niên yết thành công tại Sàn Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

2019



THƯƠNG HIỆU TIN DÙNG

Do Viện Nghiên cứu Kinh tế châu Á phối hợp với Liên hiệp khoa học phát triển doanh nghiệp Việt Nam và Đài truyền hình TP. Hồ Chí Minh tổ chức bình chọn.

2024

VFC là công ty khử trùng đầu tiên tại Việt Nam có chi nhánh được chấp nhận xử lý bọ xít hôi nâu bằng Methyl bromide đối với các loại hình: Container, hàng đồ xá, hàng đơn lẻ nhập khẩu vào Úc.

2025

Đánh dấu một bước chuyển mình mạnh mẽ của VFC khi chính thức đặt dấu chân đầu tiên trên

**“Hành Trình Mới
Tầm Cao Mới”**

Với nền tảng vững chắc từ 50 năm kinh nghiệm và thành tựu, VFC cam kết tiếp tục đổi mới, sáng tạo và phát triển, sẵn sàng đồng hành cùng nền nông nghiệp Việt Nam trong kỷ nguyên phát triển mới.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (VFC) hiện hoạt động trong bốn lĩnh vực chính: nông dược; dịch vụ khử trùng; dịch vụ kiểm soát sinh vật gây hại; và cho thuê văn phòng. Các lĩnh vực này tạo nên hệ sinh thái dịch vụ gắn với chuỗi giá trị nông nghiệp và thương mại, đồng thời góp phần đa dạng hóa nguồn thu và củng cố nền tảng phát triển bền vững của Công ty.

Nông dược



Từ năm 1994, VFC chính thức tham gia lĩnh vực nông dược và từng bước khẳng định vị thế trên thị trường thông qua việc cung ứng các sản phẩm phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Danh mục sản phẩm của VFC bao gồm thuốc trừ sâu, thuốc trừ cỏ lúa và thuốc trừ bệnh, được nhập khẩu từ các nhà sản xuất thuốc bảo vệ thực vật uy tín trên thế giới. Công ty chú trọng kiểm soát chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng yêu cầu cạnh tranh ngày càng cao của thị trường.

VFC là đối tác của nhiều doanh nghiệp và tổ chức khoa học – kỹ thuật trong và ngoài nước như Syngenta, Sinon, KingElong, NuFarm, Agrilife, Kumiai, Cục Bảo vệ Thực vật, Trung tâm Công nghệ Sinh học TP. Hồ Chí Minh, Viện Cây ăn quả Miền Nam, Vinaseed và Vietnam Food (VNF). Trên cơ sở đó, Công ty tiếp tục mở rộng danh mục sản phẩm, cải tiến công nghệ và phục vụ nhóm khách hàng có yêu cầu cao về chất lượng và hiệu quả sử dụng.

Dịch vụ khử trùng



Hoạt động khử trùng của VFC được hình thành từ nền tảng các đơn vị khử trùng và kiểm dịch thực vật tại miền Nam trước năm 1975, sau đó được tiếp quản, duy trì và từng bước phát triển qua nhiều giai đoạn. Năm 1993, các đơn vị khử trùng thuộc Cục Bảo vệ thực vật được hợp nhất thành Công ty Khử trùng Việt Nam.

Với hơn 50 năm kinh nghiệm, VFC hiện cung cấp dịch vụ khử trùng hàng hóa xuất nhập khẩu và kiểm soát sinh vật gây hại cho khu dân cư, nhà máy và khu công nghiệp trên phạm vi toàn quốc. Mạng lưới hoạt động rộng và đội ngũ chuyên môn của Công ty cho phép triển khai các giải pháp phù hợp với yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước.

VFC hiện phục vụ hơn 5.000 khách hàng thường xuyên, trong đó có nhiều đối tác đã gắn bó hàng chục năm với công ty. Đây là minh chứng rõ nét cho uy tín, chất lượng và sự tận tâm trong dịch vụ mà VFC đã cung cấp. Dịch vụ khử trùng của Công ty đáp ứng các tiêu chuẩn kiểm dịch quốc tế, qua đó hỗ trợ hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa và góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam.

Kiểm soát dịch hại



PestMan là thương hiệu của VFC trong lĩnh vực kiểm soát côn trùng và sinh vật gây hại (PCO). Kế thừa kinh nghiệm và uy tín của VFC, PestMan phát triển các giải pháp kiểm soát dịch hại trên cơ sở dữ liệu chuyên môn được cập nhật thường xuyên, phù hợp với đặc điểm từng nhóm đối tượng gây hại.

Các giải pháp của PestMan được xây dựng theo hướng bảo đảm hiệu quả xử lý, đồng thời đáp ứng yêu cầu an toàn đối với con người, vật nuôi và môi trường. Dịch vụ được thiết kế phù hợp với đặc thù từng khách hàng, góp phần hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, môi trường sống và môi trường làm việc.

PestMan hiện cung cấp dịch vụ cho nhà máy, kho bãi, khu công nghiệp và công trình dân dụng trên toàn quốc, với đội ngũ nhân sự được đào tạo chuyên môn và phương pháp xử lý theo hướng an toàn, hiệu quả.

Cho thuê văn phòng tại VFC Tower



Bên cạnh các hoạt động kinh doanh cốt lõi, VFC khai thác dịch vụ cho thuê văn phòng tại VFC Tower. Tòa nhà gồm 9 tầng văn phòng, trong đó có 7 tầng cho thuê, diện tích mỗi sàn khoảng 250 m², cùng hệ thống hội trường và phòng họp đáp ứng nhu cầu làm việc của doanh nghiệp.

Với vị trí thuận lợi, cơ sở vật chất đồng bộ và dịch vụ hỗ trợ phù hợp, VFC Tower cung cấp không gian làm việc chuyên nghiệp cho khách thuê tại khu vực trung tâm thành phố.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

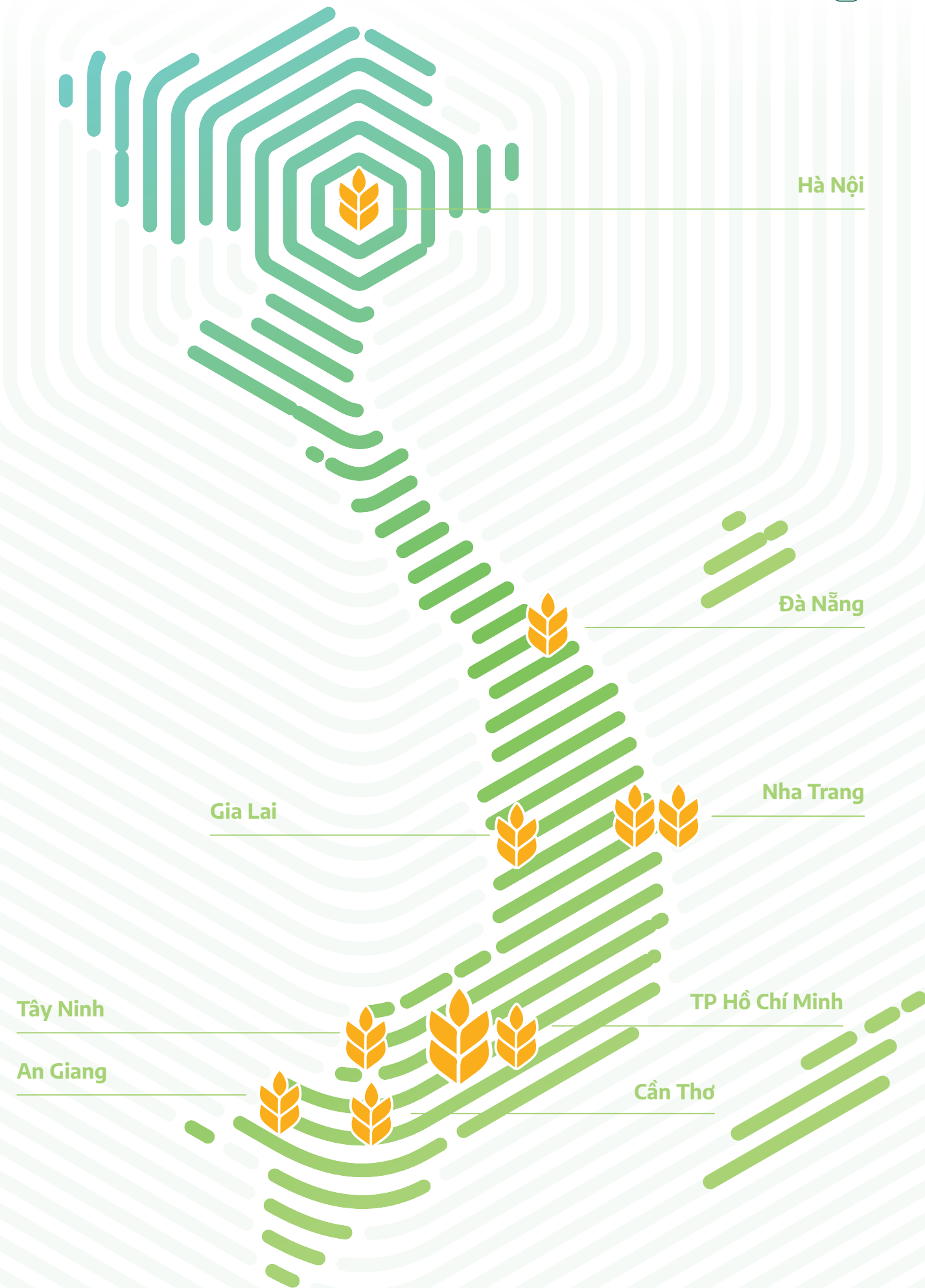
Địa bàn kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam trải dài trên phạm vi cả nước, với trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh cùng hệ thống 8 chi nhánh và 13 điểm kinh doanh trực thuộc.

Văn phòng trụ sở chính: Tòa nhà VFC, Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam - chi nhánh Nam Sông Hậu	Lô 30A3 KCN Trà Nóc 1, Phường Thới An Đông, TP Cần Thơ
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng	292 đường 2/9, Phường Hòa Cường, Đà Nẵng
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại phía Bắc	Căn 8 -TM2A - C1 Khu đô thị Nam Vành đai 3 - Giai đoạn 1, Phường Định Công, Hà Nội
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Quy Nhơn	263 đường Trần Hưng Đạo, Phường Quy Nhơn, Gia Lai
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Nha Trang	Lô 2-4-6 Đường Trần Hữu Duyệt, KĐT Vĩnh Diễm Trung, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
6	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam chi nhánh Bắc Sông Hậu	612, Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, An Giang
7	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Hồ Chí Minh	37 Nguyễn Trung Ngạn, Phường Sài Gòn, TP.HCM
8	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam - chi nhánh Đức Hoà Long An	Lô B 107 Khu công nghiệp Thái Hòa, ấp Tân Hòa, xã Đức Lập, Tây Ninh



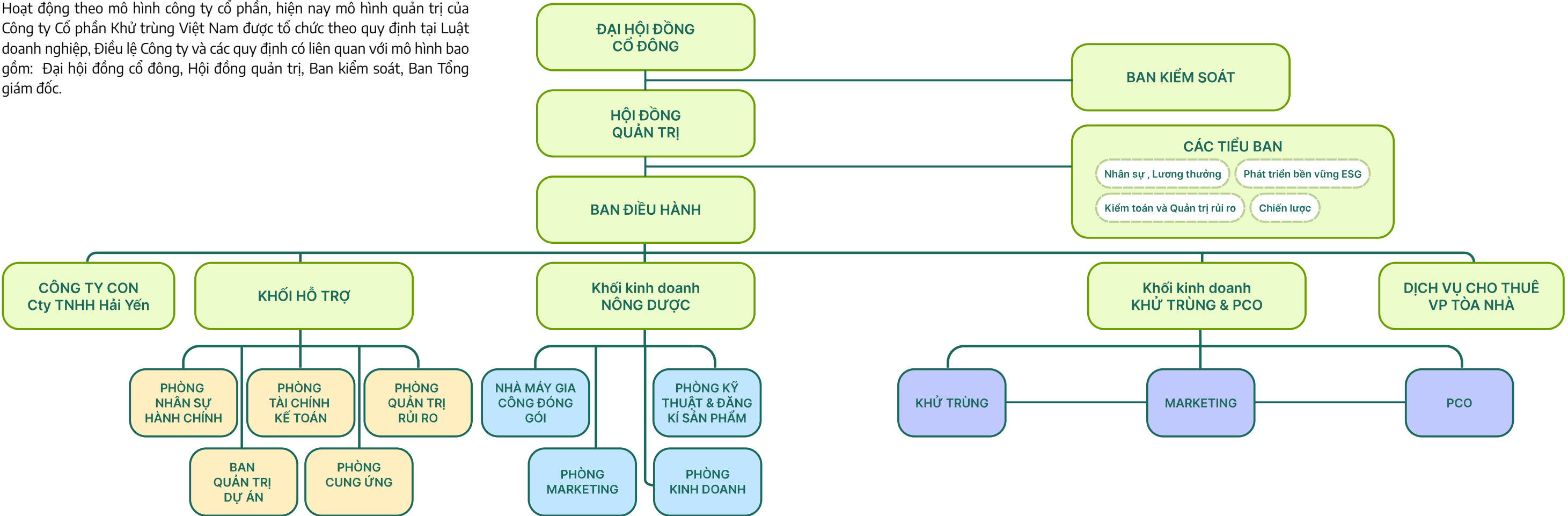
Các địa điểm kinh doanh trực thuộc

STT	Địa điểm kinh doanh trực thuộc	Địa chỉ
1	Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	49 Nguyễn Ảnh Thủ, Phường Tân Thới Hiệp, TP.HCM
2	Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Bắc Sông Hậu	612, Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, xã Bình Hòa, An Giang
3	Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Sông Tiền	342, đường Quốc Lộ 30, Phường Mỹ Trà, Đồng Tháp
4	Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Nam Sông Hậu	Lô 30A3-3KCN Trà Nóc I, phường Thới An Đông, TP Cần Thơ
5	Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Đồng Nai	B7 KDC Xóm Hố, ấp Ngô Quyền, xã Dầu Dây, Đồng Nai
6	Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại vùng Nam Trung Bộ	263 Trần Hưng Đạo, Phường Quy Nhơn, Gia Lai
7	Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Đắk Lắk	170 Chu Văn An, Phường Tân An, Đắk Lắk
8	Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại phía Bắc	LK07, Đường Vàng Anh, Dự án Eurowindow twin parks, Gia Lâm, Hà Nội
9	Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại vùng Trung Trung Bộ	292 Đường 2/9, Phường Hòa Cường, Đà Nẵng
10	Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam vùng Đông Nam Bộ 2	Ô 2, KP Rạch Sơn, Phường Gò Dầu, Tây Ninh
11	Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Sóc Trăng	Thửa đất số 1187, tờ bản đồ số 06, ấp An Trạch, Xã An Ninh, TP.Cần Thơ
12	Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Sông Tiền 2	467 Quốc Lộ 1A, Khu Phố 1, Phường Cai Lậy, Đồng Tháp
13	Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Bình Dương	5/2 khu phố 1B, phường An Phú, TP.HCM



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, hiện nay mô hình quản trị của Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam được tổ chức theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan với mô hình bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc.



Cơ cấu tổ chức của VFC được thiết kế theo hướng chuyên môn hóa, bảo đảm hiệu quả, minh bạch và linh hoạt trong vận hành.

Đại hội đồng cổ đông	Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết và quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty.
Hội đồng quản trị	Thực hiện chức năng quản lý và định hướng chiến lược, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
Ban kiểm soát	Đại diện cổ đông thực hiện chức năng giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành, bảo đảm tính minh bạch và tuân thủ.
Ban Tổng giám đốc	Điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc triển khai chiến lược và thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Việc phân định rõ chức năng, nhiệm vụ giữa các bộ phận giúp VFC nâng cao hiệu quả vận hành và sử dụng nguồn lực.

Các công ty con, công ty liên kết

VFC hiện chưa có công ty liên kết và đang đầu tư vào 01 công ty con với thông tin cụ thể như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	VĐL thực góp của VFC	Tỉ lệ sở hữu của VFC tại 31/12/2025
Công ty TNHH Hải Yến	50 Trần Phú, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	40 tỷ đồng	66,67%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các Mục Tiêu Chủ Yếu Của Công Ty

Nhằm định hướng phát triển bền vững, VFC xây dựng các mục tiêu và kế hoạch hành động dựa trên bốn trụ cột: Kinh tế, Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG). Việc triển khai đồng bộ các mục tiêu này sẽ giúp Công ty tăng năng lực cạnh tranh, giảm rủi ro và tạo nền tảng tăng trưởng dài hạn.

Kinh tế

- Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận bền vững thông qua giữ thị phần và phát triển sản phẩm mới thân thiện môi trường.
- Đa dạng hóa danh mục ưu tiên sản phẩm sinh học có năng lực cạnh tranh cao.
- Mở rộng thị trường trong và ngoài nước nhằm giảm mức độ phụ thuộc vào từng thị trường, đồng thời tăng cường hợp tác với các đối tác chiến lược.

Xã hội

- Đào tạo và hỗ trợ nông dân sử dụng sản phẩm đúng cách, an toàn, góp phần nâng hiệu quả canh tác.
- Xây dựng văn hóa làm việc bền vững: phúc lợi, công bằng, phát triển nghề nghiệp, giữ chân nhân tài.
- Đóng góp cho cộng đồng thông qua các hoạt động giáo dục, môi trường, trồng cây và bảo vệ hệ sinh thái tại địa bàn hoạt động.

Môi trường

- Giảm phát thải, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên, đồng thời nâng cao tiêu chuẩn xử lý chất thải trong hoạt động sản xuất.
- Tăng tỷ trọng các sản phẩm xanh (hữu cơ, phân hủy sinh học) đáp ứng tiêu chuẩn và chứng nhận liên quan.
- Giảm hóa chất độc hại bằng điều chỉnh công thức và nghiên cứu vật liệu thay thế an toàn.

Quản trị

- Tăng cường tính minh bạch và hiệu quả trong quản trị thông qua quản trị rủi ro, tuân thủ và kiểm soát nội bộ.
- Ứng dụng hệ thống ERP để nâng cao hiệu quả quản lý dữ liệu.
- Nâng năng lực đội ngũ quản lý qua đào tạo lãnh đạo và quản lý cấp trung.



Chiến Lược Phát Triển Trung Và Dài Hạn

Phát triển sản phẩm và dịch vụ

Công ty tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ thông qua việc chủ động thu thập phản hồi từ khách hàng, mở rộng hợp tác với các nhà cung cấp uy tín và đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D). Mục tiêu là cung cấp các giải pháp nông dược, dịch vụ khử trùng, dịch vụ kiểm soát dịch hại và dịch vụ cho thuê văn phòng đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường.

Song song với đó, VFC liên tục nghiên cứu, rà soát và cải tiến các sản phẩm, dịch vụ nhằm nâng cao tiêu chuẩn chất lượng, hướng tới sự phù hợp đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật trong nước và quốc tế. Công ty cũng chú trọng tối ưu quy trình cung cấp dịch vụ, tăng cường đào tạo chuyên môn nhằm nâng cao năng lực đội ngũ nhân sự và cải thiện trải nghiệm khách hàng.

Phát triển hệ thống phân phối và kênh bán

VFC định hướng liên tục phát triển hệ thống phân phối bền vững, thông qua việc nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ tại các hệ thống chi nhánh, nhà phân phối cấp 1, cấp 2 trên toàn quốc, đồng thời VFC thực hiện các chương trình gắn kết với các đơn vị nghiên cứu và nông dân nhằm cung cấp các sản phẩm, dịch vụ chất lượng, hiệu quả cao, từng bước đáp ứng tiêu chuẩn ESG

Công ty tiếp tục mở rộng mạng lưới tại các khu vực trọng điểm và thị trường tiềm năng nhằm gia tăng độ phủ sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh. Đồng thời, VFC từng bước áp dụng công nghệ số hóa nhằm cải tiến nâng cao chất lượng dịch vụ quản lý kho vận và điều phối hàng hóa nhằm nâng cao hiệu quả logistics và tối ưu chi phí vận hành.

Chiến lược tiếp thị và phát triển thị trường

VFC đẩy mạnh hoạt động xây dựng thương hiệu và phát triển các nền tảng truyền thông số nhằm tăng cường kết nối với khách hàng và đối tác trong chuỗi giá trị nông nghiệp, khử trùng và dịch vụ kiểm soát dịch hại. Bên cạnh đó, Công ty triển khai các chương trình tiếp thị online, trực tiếp, hội thảo kỹ thuật, hoạt động hỗ trợ nông dân nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng sản phẩm. Đồng thời

Công ty cũng nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ đáp ứng tiêu chuẩn về môi trường, an toàn con người và quản trị tuân thủ hóa chất rất chặt chẽ.

Công ty tiếp tục duy trì và phát triển chương trình “Tiếp sức cùng nông dân”, đồng thời tích cực tham gia các diễn đàn, hội nghị và hiệp hội ngành nghề để mở rộng hợp tác và cập nhật xu hướng thị trường. VFC tự hào Công ty là đơn vị được Cục Trồng Trọt và Bảo Vệ Thực Vật (Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Môi Trường) ký thỏa thuận hợp tác thực hiện để án phát triển sản xuất và sử dụng thuốc (BVTV) sinh học đến năm 2030, tầm nhìn 2050 nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học, góp phần xây dựng nền nông nghiệp xanh, an toàn và bền vững.

Phát triển quan hệ đối tác và nhà đầu tư

VFC chú trọng tăng cường minh bạch thông tin, thực hiện công bố thông tin đầy đủ và kịp thời theo quy định nhằm củng cố niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư. Công ty duy trì chính sách cổ tức ổn định, qua đó khẳng định năng lực tài chính lành mạnh và cam kết chia sẻ giá trị bền vững với cổ đông.

Đồng thời, VFC tiếp tục phát triển quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược, cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu và cộng đồng khoa học nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và thúc đẩy ứng dụng công nghệ mới trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh.

Đầu tư và ứng dụng công nghệ

Công ty đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản trị và vận hành, hướng tới mô hình Nhà máy và hệ thống kinh doanh hiện đại. Hệ thống quản lý phân phối (DMS) được triển khai nhằm nâng cao hiệu quả quản trị thị trường và dữ liệu bán hàng. Các lĩnh vực khử trùng và PCO đã thực hiện số hóa website và kênh bán hàng trực tuyến. Đồng thời công ty chú trọng phát triển năng lực số khi cử nhân sự tham gia các chương trình đào tạo về AI trong marketing và Ban điều hành đang từng bước ứng dụng AI trong hoạt động quản trị và ra quyết định.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (TT)

Chiến Lược Phát Triển Trung Và Dài Hạn (tiếp theo)

Trong giai đoạn tới, Công ty tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, hiện đại hóa hệ thống sản xuất, kho bãi và phương tiện vận hành nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của thị trường. Song song với đó, VFC đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong quản trị và vận hành thông qua việc triển khai các hệ thống quản trị doanh nghiệp như CRM, ERP và các giải pháp tự động hóa, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và tối ưu hóa hoạt động kinh doanh.

Quản trị tài chính, nhân sự và quản trị doanh nghiệp

Quản trị tài chính

Công ty duy trì hệ thống quản trị tài chính theo nguyên tắc minh bạch, thận trọng và hiệu quả, tập trung kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, chi phí và hiệu quả sử dụng vốn. Hệ thống kế toán tài chính và kế toán quản trị được tổ chức đồng bộ nhằm cung cấp thông tin kịp thời phục vụ công tác điều hành và ra quyết định.

Công tác nhân sự

VFC chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua các chương trình đào tạo chuyên môn, nâng cao kỹ năng quản trị và ứng dụng công nghệ, đồng thời xây dựng chính sách đãi ngộ phù hợp nhằm khuyến khích người lao động phát huy năng lực và gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.

Quản trị doanh nghiệp

Công ty thực hiện quản trị doanh nghiệp theo các nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm, tuân thủ, đảm bảo sự phối hợp hiệu quả giữa HĐQT, BĐH và các bộ phận chức năng. Hệ thống quy chế kiểm soát nội bộ từng bước hoàn thiện nâng cao hiệu quả quản lý và bảo vệ quyền lợi cổ đông.

Định hướng tăng trưởng

Trong trung và dài hạn, VFC định hướng duy trì vị thế cạnh tranh trong các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, đồng thời phấn đấu đạt mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ổn định.



Mục Tiêu Phát Triển Bền Vững Và Chương Trình Chính Trong Ngắn Hạn Và Trung Hạn



VFC định hướng phát triển bền vững trên cơ sở cân bằng lợi ích của khách hàng, người lao động, đối tác và cộng đồng. Công ty tập trung cung cấp các sản phẩm và giải pháp nông dược, khử trùng và kiểm soát dịch hại với chất lượng ổn định, chi phí hợp lý, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ và tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định xuất khẩu.

Trước các thách thức từ biến đổi khí hậu và yêu cầu ngày càng cao về bảo vệ môi trường, VFC triển khai các giải pháp nhằm tối ưu hóa sử dụng nguyên liệu, quản lý hiệu quả tài nguyên nước, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường, đồng thời từng bước gia tăng tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo trong hoạt động sản xuất – kinh doanh.

Trong trung hạn, Công ty tiếp tục củng cố vị thế trong lĩnh vực nông dược, khử trùng và kiểm soát dịch hại thông qua việc tăng cường đầu tư vào nghiên cứu – phát triển (R&D), mở rộng hệ thống phân phối, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường năng lực quản trị tài chính nhằm đảm bảo tăng trưởng ổn định và bền vững theo định hướng ESG.

Bên cạnh đó, VFC chú trọng phát triển nguồn nhân lực thông qua các chương trình đào tạo chuyên môn, nâng cao kỹ năng và cải thiện môi trường làm việc, tạo điều kiện để người lao động phát huy năng lực và đóng góp hiệu quả cho sự phát triển lâu dài của Công ty.

CÁC RỦI RO

Rủi Ro Kinh Tế

Năm 2025, kinh tế Việt Nam duy trì đà tăng trưởng tích cực, với GDP ước đạt 8,02%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%; tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt 70,09 tỷ USD. Những yếu tố này tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của VFC. Tuy nhiên, bối cảnh kinh tế toàn cầu vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định, bao gồm biến động tỷ giá, chính sách lãi suất, căng thẳng thương mại và rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng.

Đối với VFC, các yếu tố này có thể làm gia tăng chi phí đầu vào, ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm, nhu cầu thị trường và hiệu quả kinh doanh, đặc biệt trong bối cảnh Công ty có tỷ trọng nhập khẩu nguyên vật liệu tương đối lớn và hoạt động gắn chặt với diễn biến của thị trường nông nghiệp.

Trước các rủi ro trên, Công ty tiếp tục theo dõi sát diễn biến thị trường, chủ động điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, đa dạng hóa nguồn cung, kiểm soát chi phí vận hành và tăng cường quản trị rủi ro tỷ giá. Đồng thời, VFC tiếp tục triển khai các giải pháp tái cấu trúc và chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng khả năng thích ứng và duy trì tăng trưởng ổn định trong dài hạn.

Rủi Ro Pháp Luật

Là công ty niêm yết, VFC phải tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế và các quy định pháp luật chuyên ngành liên quan đến hoạt động nông dược, dịch vụ khử trùng, PCO, cho thuê văn phòng.

Trong năm 2025, một số quy định về thuế, bảo hiểm xã hội và quản lý hoạt chất trong thuốc bảo vệ thực vật tiếp tục được điều chỉnh. Việc siết chặt kiểm soát và loại bỏ các hoạt chất không đáp ứng tiêu chuẩn an toàn môi trường có thể ảnh hưởng đến danh mục sản phẩm, hoạt động kinh doanh và làm gia tăng chi phí tuân thủ của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực nông dược và khử trùng, VFC phải tuân thủ chặt chẽ các quy định về bảo vệ và kiểm dịch thực vật, quản lý hóa chất, môi trường, phòng cháy chữa cháy, lao động và an toàn sản xuất.

Để hạn chế rủi ro pháp lý, Công ty thường xuyên cập nhật quy định mới, củng cố nguồn lực phụ trách pháp chế và tuân thủ, đồng thời phối hợp với các đơn vị tư vấn pháp lý và cơ quan quản lý để kịp thời điều chỉnh hoạt động phù hợp với quy định hiện hành.

Rủi Ro Khí Hậu

Biến đổi khí hậu và các hiện tượng thời tiết cực đoan có thể ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất và chất lượng cây trồng, từ đó tác động đến nhu cầu sử dụng sản phẩm nông dược và dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp – nhóm khách hàng chính của VFC.

Trong năm 2025, nhiều khu vực tại Việt Nam ghi nhận tình trạng nắng nóng kéo dài, hạn hán và xâm nhập mặn tại một số vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm. Bên cạnh đó, tần suất và cường độ của các hiện tượng thiên tai như bão và lũ cũng gia tăng, gây thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp và làm gián đoạn hoạt động của chuỗi cung ứng.

Những biến động khí hậu này có thể ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất, nhu cầu thị trường và hoạt động phân phối của Công ty tại một số khu vực.

Để hạn chế tác động từ rủi ro khí hậu, VFC tập trung phát triển danh mục sản phẩm phù hợp với điều kiện canh tác tại từng vùng, tăng cường hoạt động nghiên cứu – phát triển nhằm cải thiện hiệu quả phòng trừ dịch hại, đồng thời mở rộng hệ thống phân phối tại các vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm. Công ty cũng phối hợp với hệ thống đại lý và nông dân thông qua các chương trình tập huấn kỹ thuật canh tác và quản lý dịch hại nhằm nâng cao khả năng thích ứng với biến động khí hậu.

Rủi Ro Môi Trường

Hoạt động trong lĩnh vực nông dược và hóa chất, quá trình sản xuất, lưu trữ và vận chuyển sản phẩm của VFC có thể tiềm ẩn nguy cơ phát sinh chất thải hoặc rò rỉ hóa chất, ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người nếu không được kiểm soát chặt chẽ.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty triển khai các biện pháp quản lý môi trường trong toàn bộ quy trình vận hành, bao gồm kiểm soát quy trình sản xuất, bảo dưỡng định kỳ thiết bị và giám sát an toàn trong lưu trữ, vận chuyển hóa chất. Hệ thống nhà máy được đầu tư các công trình xử lý môi trường nhằm đáp ứng các quy định về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.

Bên cạnh đó, VFC xây dựng kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, đồng thời tăng cường các biện pháp an toàn lao động, trang bị phương tiện bảo hộ và tổ chức đào tạo cho người lao động làm việc trong môi trường liên quan đến hóa chất.

Thông qua các biện pháp trên, Công ty kiểm soát các rủi ro môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động và đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

Rủi Ro Khác

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể đối mặt với một số rủi ro phát sinh từ các yếu tố bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ hoặc các biến động xã hội. Mặc dù tần suất xảy ra không cao, những sự kiện này vẫn có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và chuỗi cung ứng của Công ty.

Để hạn chế tác động của các rủi ro này, VFC triển khai các biện pháp quản lý an toàn trong vận hành, tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy và an toàn lao động, đồng thời thường xuyên kiểm tra hệ thống thiết bị và theo dõi các yếu tố có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty tham gia các chương trình bảo hiểm cần thiết nhằm giảm thiểu thiệt hại tài chính trong trường hợp xảy ra sự cố.



Chương 02

Tình hình hoạt động trong năm

2.1	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	34
2.2	Tổ chức và nhân sự	38
2.3	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	44
2.4	Tình hình tài chính	46
2.5	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	48
2.6	Tác động liên quan đến môi trường và xã hội	50

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết Quả Hoạt Động Sản Xuất Kinh Doanh

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025 (Riêng)	Năm 2025 (Hợp nhất)	2025/2024 (Hợp nhất)
1	Doanh thu thuần	3.497.261	3.441.259	3.530.216	100,94%
2	Giá vốn hàng bán	2.588.448	2.637.312	2.675.580	103,37%
3	Lợi nhuận gộp	908.813	803.947	854.636	94,04%
4	Doanh thu HĐTC	128.125	65.317	63.644	49,67%
5	Chi phí tài chính	107.002	42.217	42.219	39,46%
6	Chi phí bán hàng	439.033	329.680	336.756	76,70%
7	Chi phí QLDN	91.178	70.565	104.031	114,10%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	568.426	426.801	435.275	76,58%
9	(Lỗ)/lợi nhuận khác	2.110	(2.185)	(788)	-37,33%
10	Tổng lợi nhuận trước thuế	570.536	424.615	434.487	76,15%
11	Lợi nhuận sau thuế TNDN	471.271	335.597	341.895	72,55%

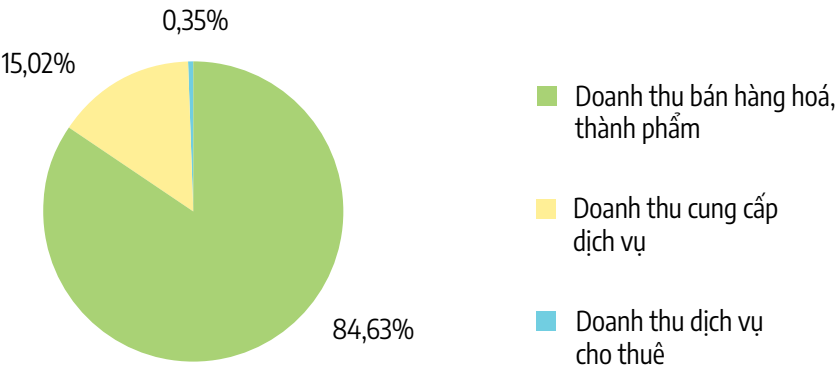
Cơ Cấu Doanh Thu Về Bán Hàng Và Cung Cấp Dịch Vụ Năm 2025

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025 (Riêng)		Năm 2025 (hợp nhất)		2025/2024
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	3.221.982	84,63%	2.994.826	83,63%	2.994.826	81,60%	92,95%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	571.871	15,02%	572.403	15,98%	661.360	18,02%	115,65%
3	Doanh thu dịch vụ cho thuê	13.463	0,35%	13.744	0,38%	13.744	0,37%	102,09%

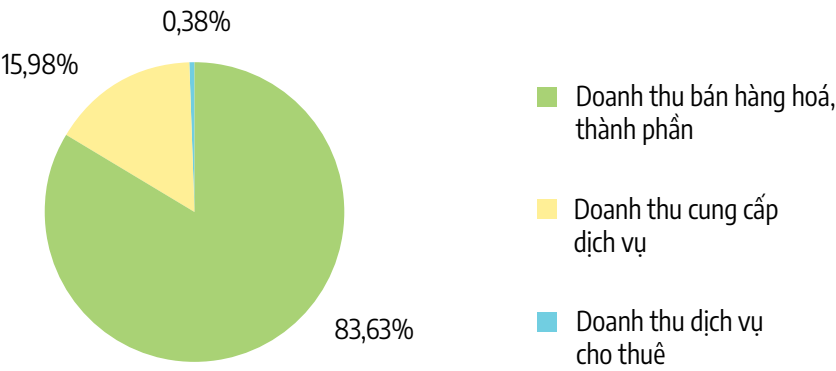
Nguồn: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán năm 2025

Năm 2024



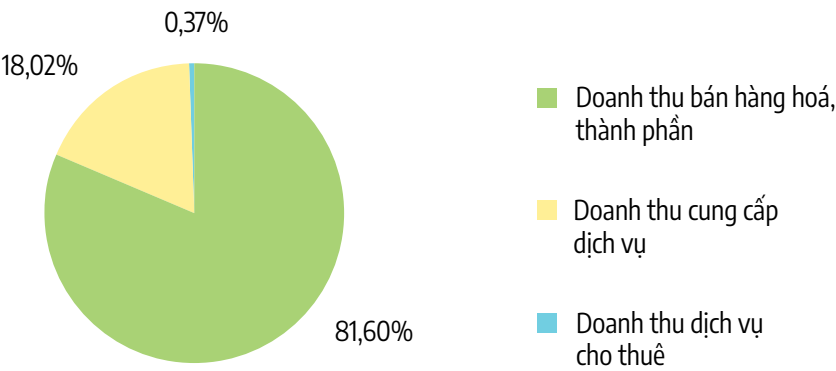
Năm 2025, VFC ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất đạt 3.530,2 tỷ đồng, tăng 0,94% so với năm 2024. Lợi nhuận trước thuế đạt 434,5 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 341,9 tỷ đồng, giảm so với năm trước do không còn phát sinh khoản thu nhập tài chính đột biến từ việc hợp nhất công ty con Hải Yến. Loại trừ yếu tố này, kết quả kinh doanh cốt lõi của Công ty tiếp tục được cải thiện.

Năm 2025 (Riêng)



Chi phí bán hàng giảm còn 336,8 tỷ đồng, thấp hơn 23% so với năm 2024, nhờ tối ưu hệ thống phân phối và kiểm soát chi phí thương mại. Chi phí tài chính giảm xuống 42,2 tỷ đồng, phản ánh cơ cấu tài chính được cải thiện. Trong khi đó, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lên 104,0 tỷ đồng, chủ yếu do Công ty tăng đầu tư cho nguồn nhân lực và hệ thống quản trị.

Năm 2025 (Hợp nhất)



Về cơ cấu doanh thu, mảng cung cấp dịch vụ đạt 661,4 tỷ đồng, tăng 15,65% và chiếm 18,02% tổng doanh thu. Mảng bán hàng hóa và thành phẩm tiếp tục giữ vai trò chủ lực với 2.994,8 tỷ đồng, tương ứng 81,60%, trong khi doanh thu cho thuê duy trì ổn định ở mức 13,7 tỷ đồng. Nhìn chung, kết quả năm 2025 cho thấy hoạt động kinh doanh cốt lõi của VFC tiếp tục được củng cố, với doanh thu duy trì tăng trưởng, chi phí được kiểm soát và tỷ trọng doanh thu dịch vụ được cải thiện.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TT)

Tình Hình Thực Hiện So Với Kế Hoạch

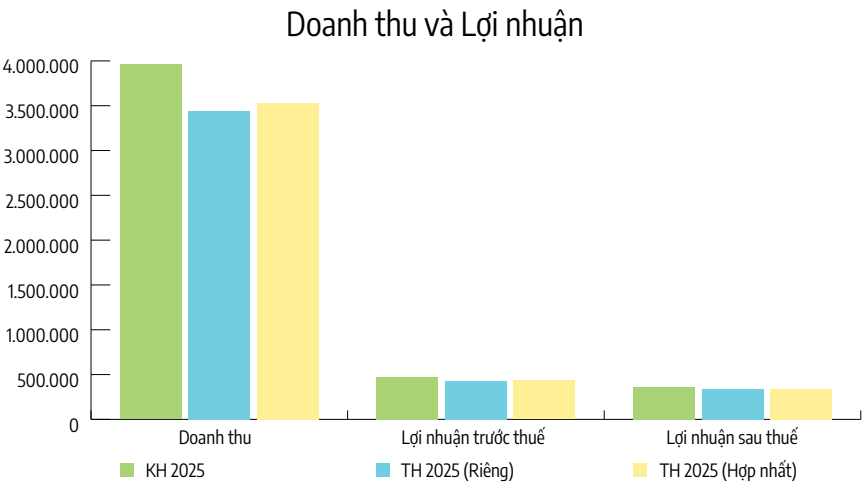
ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2025	TH 2025 (Riêng)	TH 2025 (Hợp nhất)	% TH/KH 2025
1	Doanh thu (*)	3.960.000	3.580.973	3.669.930	92,68%
2	Lợi nhuận trước thuế	470.000	424.615	434.487	92,44%
3	Lợi nhuận sau thuế	365.000	335.597	341.895	93,67%
4	Tỷ lệ chia cổ tức	20% mệnh giá CP	30% mệnh giá CP (**)	30% mệnh giá CP (**)	

(*): Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

(**): Công ty dự kiến chi trả cổ tức năm 2025 với tỷ lệ 30% và sẽ trình phương án này tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2026 sắp tới.

Năm 2025, VFC ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất đạt 3.669,9 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 434,5 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 341,9 tỷ đồng, tương ứng hoàn thành 92,68%, 92,44% và 93,67% kế hoạch năm. Kết quả này phản ánh sự ổn định của hoạt động kinh doanh trong bối cảnh năm 2025 không còn ghi nhận các khoản thu nhập tài chính đột biến như năm 2024 và thị trường trong nước vẫn còn nhiều biến động.



Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch tăng dần cho thấy hiệu quả kiểm soát chi phí được cải thiện. Công ty tiếp tục tối ưu hệ thống phân phối và giảm chi phí tài chính nhờ cơ cấu tài chính lành mạnh hơn, qua đó hỗ trợ duy trì biên lợi nhuận ở mức tích cực.

Trong năm, Công ty tiếp tục duy trì tỷ lệ chi trả cổ tức 30% mệnh giá, thể hiện nỗ lực bảo đảm lợi ích cổ đông. Nhìn chung, kết quả năm 2025 cho thấy hoạt động kinh doanh cốt lõi của VFC tiếp tục được duy trì ổn định.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

Ông **Trần Văn Dũng**

Thành viên HĐQT/
Tổng Giám Đốc/
Người được ủy quyền
Công bố thông tin



Ngày sinh: 30/12/1975
Nơi sinh: An Giang
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác

- 1998 – 1999: Kế toán kho, Công ty Haprosimex Sài Gòn
- 2000 – 2012: Kế toán viên, Kế toán trưởng, CTCP Bảo vệ Thực vật An Giang
- 2012 – 2015: Chuyên viên tư vấn
- 2015 – 2023: TV HĐQT, Phó TGD phụ trách tài chính, Đại diện công bố thông tin, CTCP Khử Trùng Việt Nam
- 2023 – 2025: TV HĐQT, Phó TGD, Người được ủy quyền công bố thông tin, CTCP Khử Trùng Việt Nam
- 2025 – nay: TV HĐQT, Tổng Giám đốc, Người được ủy quyền công bố thông tin, CTCP Khử Trùng Việt Nam

Chức vụ tại tổ chức khác

Không có

Cổ phần

3.995 cổ phần (0,01%)

Người liên quan

Không có

Những thay đổi về ban điều hành trong năm 2025

Các trường hợp bổ nhiệm:

- Ông Trần Văn Dũng – Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc
- Ông Nguyễn Phước Tâm – Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám Đốc

Ông **Đào Xuân Trọng**

Phó Tổng Giám đốc



Ngày sinh: 13/07/1972
Nơi sinh: Hải Dương
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế

- 1994 – 2002: Đội trưởng Khử trùng
- 2003 – 2008: Phó Phòng Kỹ thuật Khử trùng
- 2008 – 2009: Trưởng Phòng Kỹ thuật Khử trùng
- 2009 – 2011: Phòng Kỹ thuật Khử trùng
- 2012 – 2019: Giám đốc Chi nhánh TP.HCM
- 2019 – 2021: Giám đốc Ngành KTR & PCO
- Từ 19/01/2022 – nay: Phó Tổng Giám đốc

Không có

83.779 cổ phần (0,20%)

Không có

Các trường hợp miễn nhiệm:

- Ông Trương Công Cứ – Miễn nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc
- Ông Trần Văn Dũng – Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám Đốc

Ông **Nguyễn Phước Tâm**

Phó Tổng Giám đốc



Ngày sinh: 10/06/1982
Nơi sinh: Đồng Tháp
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

- 2010 – 2011: Trưởng Phòng Bán Hàng Chi Nhánh An Giang
- 2012 – 2015: Phó Phòng Kinh doanh ND
- 2015 – 2022 : Trưởng Phòng Kinh Doanh
- 2022 – 2024 : Phó Giám Đốc Ngành Nông Dược
- 2024 – 2025 : Giám Đốc Ngành Nông Dược
- Từ 15/12/2025 – nay: Phó Tổng Giám đốc

Không có

0 cổ phần (0%)

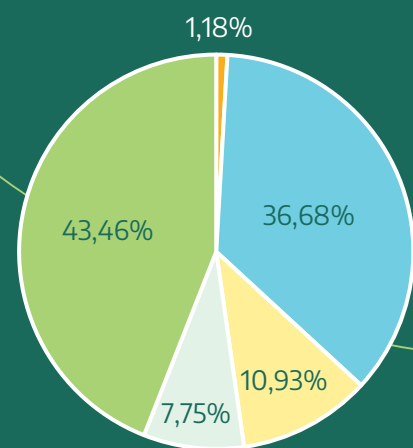
Không có

- Bà Nguyễn Bạch Tuyết – Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám Đốc

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TT)

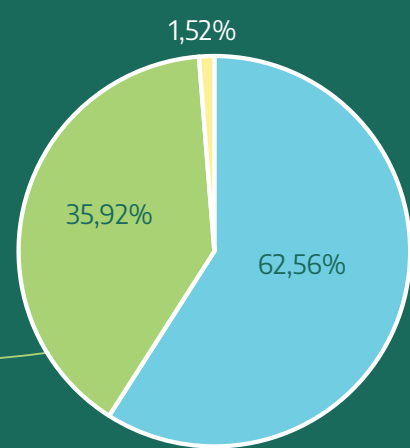
TỔNG SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ
1.445
TÍNH TẠI NGÀY 31/12/2025

Cơ cấu theo trình độ



Trên đại học
Đại học
Cao đẳng
Trung cấp
Lao động phổ thông

Cơ cấu theo tính chất Hợp đồng lao động

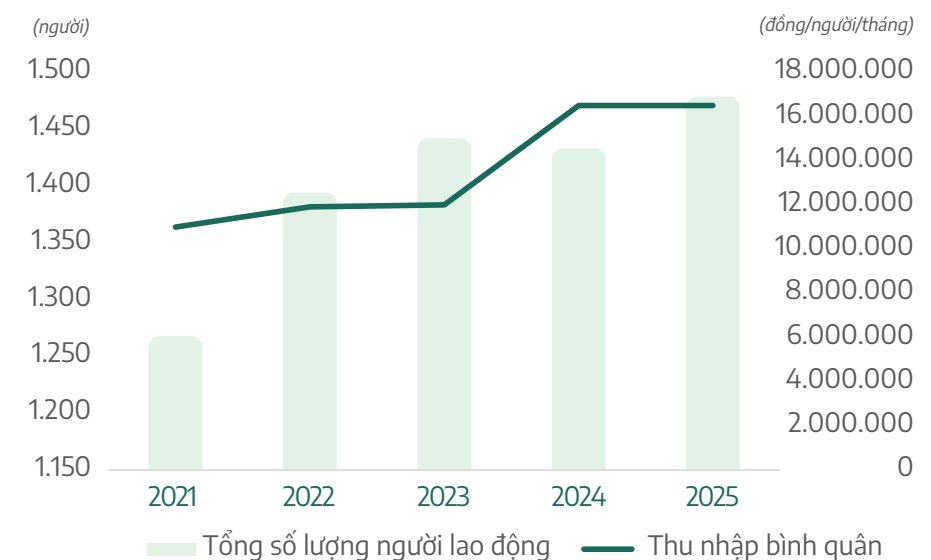


HĐ không xác định thời hạn
HĐ xác định thời hạn từ 1 -3 năm
HĐ theo thời vụ (dưới 1 năm)

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ	1.445	100,00%
1	Trên đại học	17	1,18%
2	Đại học	530	36,68%
3	Cao đẳng	158	10,93%
4	Trung cấp	112	7,75%
5	Lao động phổ thông	628	43,46%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	1.445	100,00%
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	904	62,56%
2	Hợp đồng xác định thời hạn từ 1-3 năm	519	35,92%
3	Hợp đồng theo thời vụ (dưới 1 năm)	22	1,52%
III	Theo giới tính	1.445	100,00%
1	Nam	1.294	89,55%
2	Nữ	151	10,45%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
Tổng số lượng người lao động (người)	1.269	1.394	1.442	1.433	1.445
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	11.000.000	12.000.000	12.000.000	16.000.000	16.000.000



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TT)

Chính Sách Nhân Sự

Về đào tạo

VFC xác định nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng đối với sự phát triển bền vững của Công ty. Do đó, Công ty chú trọng triển khai các chương trình đào tạo chuyên môn và nghiệp vụ cho nhân viên, đặc biệt trong lĩnh vực Nông dược, khử trùng và kiểm soát dịch hại (PCO), nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và hiệu quả công việc. Bên cạnh đó, Công ty duy trì quỹ đào tạo để hỗ trợ nhân viên nâng cao trình độ và phát triển nghề nghiệp.

Về tuyển dụng

Công ty xây dựng hệ thống tuyển dụng với các tiêu chí lựa chọn rõ ràng, phù hợp với từng vị trí công việc, đồng thời chú trọng thu hút nguồn nhân lực có chuyên môn và kinh nghiệm nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Chính sách lao động

Công ty thực hiện chế độ làm việc và nghỉ ngơi theo quy định của Bộ luật Lao động. Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật. Công đoàn Công ty hoạt động nhằm hỗ trợ người lao động trong các hoạt động chăm lo đời sống vật chất và tinh thần.

Chính sách lương, thưởng và đãi ngộ

Chính sách tiền lương của Công ty được xây dựng trên cơ sở, phạm vi, trách nhiệm của từng vị trí công việc, bao gồm lương chức danh, lương hiệu quả và các khoản phụ cấp. Công ty thực hiện điều chỉnh lương định kỳ và áp dụng các chính sách khen thưởng dựa trên kết quả đánh giá hiệu quả công việc nhằm ghi nhận đóng góp của người lao động và khuyến khích nâng cao năng suất.

Chính sách phúc lợi

Bên cạnh các chế độ bảo hiểm bắt buộc theo quy định của pháp luật, Công ty duy trì các chương trình phúc lợi cho người lao động như khám sức khỏe định kỳ, quà sinh nhật và các hoạt động du lịch, nghỉ mát hằng năm nhằm tăng cường sự gắn kết và nâng cao đời sống tinh thần của cán bộ nhân viên.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các Khoản Đầu Tư Lớn

Trong năm 2025, Công ty triển khai các khoản đầu tư tập trung vào nâng cao năng lực vận hành, hỗ trợ phát triển sản phẩm, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin và cải thiện điều kiện hoạt động tại các đơn vị kinh doanh. Tổng ngân sách đầu tư theo kế hoạch năm 2025 là 32 tỷ đồng; giá trị thực hiện đạt 25,3 tỷ đồng, tương đương 79,1% kế hoạch.

Nhìn chung, các khoản đầu tư trong năm 2025 được triển khai tương đối sát kế hoạch đối với các hạng mục phục vụ vận hành, công nghệ thông tin và phát triển sản phẩm. Riêng hạng mục đầu tư thêm dây chuyền, thiết bị và nâng cấp nền kho Nhà máy Long An có mức thực hiện thấp hơn kế hoạch.

Đơn vị: Tỷ đồng

Hạng mục	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ thực hiện
Phương tiện vận tải	7	6,5	93,60%
Nghiên cứu và phát triển sản phẩm	10	9,3	93,00%
Nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý kinh doanh và thiết bị tin học	5	4,9	97,10%
Cải tạo nhận diện mới cho văn phòng chi nhánh, các điểm kinh doanh và nhà phân phối	5	4,4	87,30%
Đầu tư thêm dây chuyền, thiết bị, nâng cấp nền kho Nhà máy Long An	5	0,2	4,70%
Tổng	32	25,3	79,10%

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN (TT)

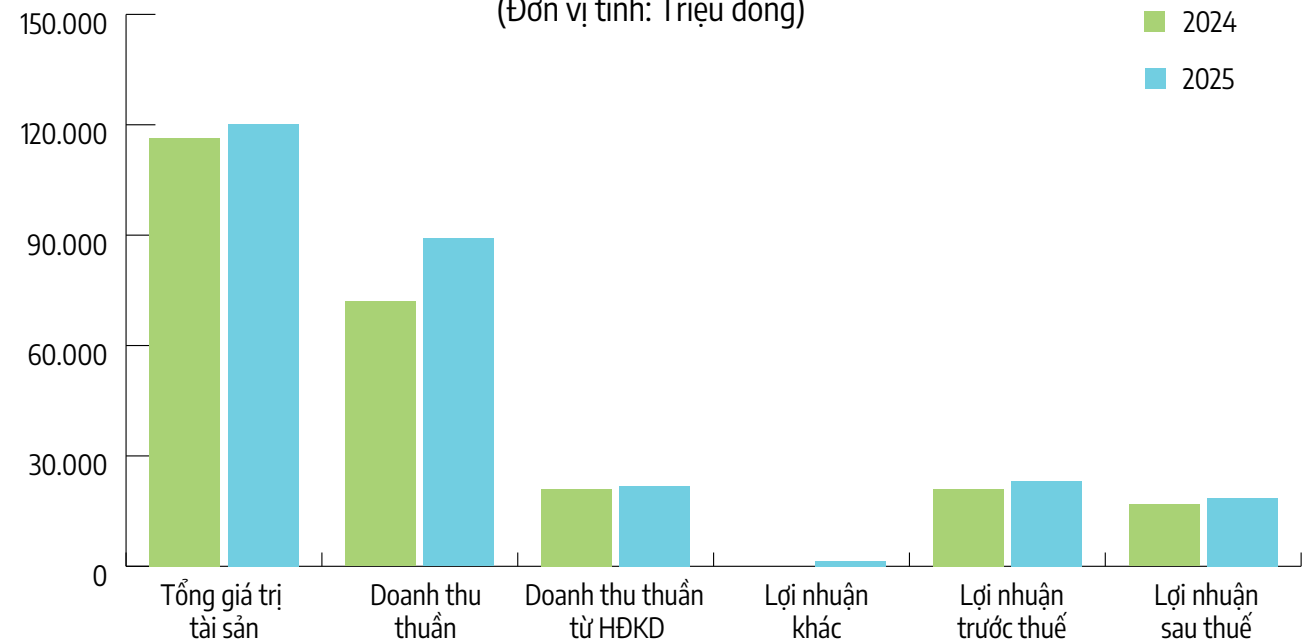
Các Công Ty Con, Công Ty Liên Kết

Kết quả SXKD Công ty con TNHH Hải Yến

ĐVT: Triệu đồng

STT	Công ty	2024	2025	2025/2024
1	Tổng giá trị tài sản	116.344	120.200	103,31%
2	Doanh thu thuần	71.928	89.120	123,90%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	21.022	21.862	104,0%
4	Lợi nhuận khác	-5	1.398	
5	Lợi nhuận trước thuế	21.017	23.260	110,67%
6	Lợi nhuận sau thuế	16.762	18.608	111,01%

Kết quả SXKD Công ty con TNHH Hải Yến
(Đơn vị tính: Triệu đồng)



Trong năm 2025, mặc dù thiên tai và bão lũ diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực đến nhu cầu du lịch tại nhiều khu vực, Công ty vẫn duy trì được đà tăng trưởng tích cực. Doanh thu thuần đạt 89 tỷ đồng, tăng 23,9% so với năm 2024. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 4%, trong khi lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt tăng 10,67% và 11,01%, phản ánh biên lợi nhuận được cải thiện và chi phí được kiểm soát tốt. Tổng tài sản tăng nhẹ 3,31%, cho thấy Công ty duy trì nền tảng tài chính ổn định, đồng thời đảm bảo nguồn lực cho hoạt động kinh doanh trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Kết Quả Tài Chính Tổng Hợp

Năm 2025, tình hình tài chính hợp nhất của VFC tiếp tục duy trì theo hướng an toàn và thận trọng. Tổng giá trị tài sản tại ngày 31/12/2025 đạt 2.419.904 triệu đồng, giảm nhẹ so với năm 2024. Doanh thu thuần đạt 3.530.216 triệu đồng, tăng 0,94% so với cùng kỳ. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 435.274 triệu đồng; lợi nhuận trước thuế đạt 434.487 triệu đồng; và lợi nhuận sau thuế đạt 341.895 triệu đồng. Mức giảm lợi nhuận so với năm trước chủ yếu do năm 2024 có phát sinh khoản thu nhập bất thường, trong khi năm 2025 Công ty tập trung vào hiệu quả của hoạt động cốt lõi.

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024 (Riêng)	Năm 2024 (Hợp nhất)	Năm 2025 (Hợp nhất)	% 2025/2024 (Hợp nhất)
1	Tổng giá trị tài sản	2.945.607,65	2.495.777,59	2.419.903,95	96,96%
2	Doanh thu thuần	3.262.419,85	3.497.261,42	3.530.216,20	100,94%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	376.927,31	568.426,38	435.274,27	76,58%
4	Lợi nhuận khác	-1.194,71	2.109,59	-787,51	-
5	Lợi nhuận trước thuế	375.732,60	570.535,97	434.487,11	76,15%
6	Lợi nhuận sau thuế	295.577,43	471.270,60	341.894,84	72,55%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	30%	50%	30%	-

(*) Công ty dự kiến chi trả cổ tức năm 2025 với tỷ lệ 30% và sẽ trình phương án này tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2026.

Các Chỉ Tiêu Tài Chính Chủ Yếu

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Năm 2025, các chỉ tiêu thanh khoản của VFC cải thiện rõ rệt so với năm 2024. Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 2,53 lần lên 3,12 lần, trong khi hệ số thanh toán nhanh tăng từ 1,44 lần lên 1,87 lần. Diễn biến này cho thấy Công ty tiếp tục duy trì khả năng đáp ứng tốt các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, đồng thời cải thiện mức độ an toàn thanh khoản và hiệu quả quản trị vốn lưu động.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Cơ cấu vốn năm 2025 tiếp tục được củng cố theo hướng an toàn và thận trọng hơn. Hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm từ 35,66% xuống 29,14%, trong khi hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm từ 55,42% xuống 41,12%. Các chỉ tiêu này phản

ánh việc Công ty chủ động giảm đòn bẩy tài chính, nâng cao mức độ tự chủ về vốn và tăng khả năng chống chịu trước biến động của thị trường.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động cho thấy hiệu quả vận hành của Công ty tiếp tục được duy trì. Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 2,74 vòng lên 2,96 vòng, phản ánh tốc độ luân chuyển hàng hóa được cải thiện. Vòng quay tổng tài sản giảm nhẹ từ 1,45 vòng xuống 1,44 vòng, cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản nhìn chung vẫn được giữ ở mức ổn định trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2025, các chỉ tiêu sinh lời của VFC giảm so với mức nền cao của năm 2024. Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần giảm từ 13,48% xuống 9,68%; ROE giảm từ 30,43% xuống 20,59%; ROA giảm từ 19,48% xuống 13,91%; và tỷ suất Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu

thuần giảm từ 16,49% xuống 12,42%. Diễn biến này phản ánh biên lợi nhuận thu hẹp và hiệu quả sinh lời giảm so với năm trước, song Công ty vẫn duy trì được nền tảng tài chính ổn định và hiệu quả hoạt động ở mức tích cực.

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,53	3,12
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,44	1,87
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	35,66	29,14
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	55,42	41,12
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,74	2,96
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,45	1,44
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	13,48	9,68
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	30,43	20,59
Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	19,48	13,91
Hệ số Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần	%	16,49	12,42

Nhìn chung, nền tảng tài chính của VFC trong năm 2025 tiếp tục được củng cố theo hướng an toàn, ổn định và tăng cường tự chủ tài chính. Đây là cơ sở quan trọng để Công ty duy trì hiệu quả hoạt động, kiểm soát rủi ro và triển khai các định hướng phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ Phần

Tổng số cổ phiếu đã phát hành:

41.714.614

Số lượng
Cổ phiếu

• Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: **41.714.614 cổ phiếu**

• Số lượng cổ phiếu quỹ: **2.000 cổ phiếu**

Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phiếu

Cơ Cấu Cổ Đông

Tính tại ngày 31/12/2025

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông Nhà nước	-	-	-
II	Cổ đông trong nước	41.067.156	410.671.560.000	98,45%
1	Cá nhân	17.979.287	179.792.870.000	43,10%
2	Tổ chức	23.087.869	230.878.690.000	55,35%
III	Cổ đông nước ngoài	647.458	6.474.580.000	1,55%
1	Cá nhân	49.835	498.350.000	0,12%
2	Tổ chức	597.623	5.976.230.000	1,43%
Tổng cộng (II+III)		41.714.614	417.146.140.000	100,00%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 51% theo Công văn số 937/UBCK-PTTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 02/03/2023 về Thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty.

Tình Hình Thay Đổi Vốn Đầu Tư Của Chủ Sở Hữu

STT	Lần đăng ký	Thời điểm	SLCP tăng thêm	Giá trị tăng thêm (đồng)	Lý do	Vốn điều lệ sau tăng (đồng)
1	Cấp lần đầu	09/12/2009	8.133.855	81.338.550.000	Đăng ký lần đầu	81.338.550.000
2	Điều chỉnh lần 1	19/07/2010	1.624.589	16.245.890.000	Đăng ký bổ sung thưởng tỷ lệ 10/2 –ĐHCĐTN 2010	97.584.440.000
3	Điều chỉnh lần 2	05/10/2011	2.924.309	29.243.090.000	Đăng ký bổ sung thưởng tỷ lệ 10/3 –ĐHCĐTN 2011	126.827.530.000
4	Điều chỉnh lần 3	01/08/2012	290.000	2.900.000.000	Đăng ký bổ sung – CP ESOP 2011	129.727.530.000
5	Điều chỉnh lần 4	28/02/2013	310.000	3.100.000.000	Đăng ký bổ sung – CP ESOP 2012	132.827.530.000
6	Điều chỉnh lần 5	13/08/2015	4.402.683	44.026.830.000	Đăng ký bổ sungthưởng tỷ lệ 3/1 – ĐHCĐTN 2015	176.854.360.000
7	Điều chỉnh lần 6	06/07/2016	600.000	6.000.000.000	Đăng ký bổ sung bán ưu đãi CBCNV	182.854.360.000
8	Điều chỉnh lần 7	05/07/2017	5.484.753	54.847.530.000	Đăng ký bổ sung thưởng tỷ lệ 10/3 –ĐHCĐTN 2017	237.701.890.000
9	Điều chỉnh lần 8	19/07/2018	7.130.166	71.301.660.000	Đăng ký bổ sung thưởng tỷ lệ 10/3 –ĐHCĐTN 2018	309.003.550.000
10	Điều chỉnh lần 9	21/08/2018	713.106	7.131.060.000	Đăng ký bổ sung thưởng CBCNV	316.134.610.000
11	Điều chỉnh lần 10	02/08/2019	475.403	4.754.030.000	Đăng ký bổ sung thưởng CBCNV	320.888.640.000
12	Điều chỉnh lần 11	31/08/2022	9.625.750	96.257.500.000	Đăng ký bổ sung thưởng tỷ lệ 10/3 –ĐHCĐTN 2022	417.146.140.000

Trong năm 2025, Công ty không thực hiện thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- Các chứng khoán khác: Không có

TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Tác Động Lên Môi Trường

Phát thải khí nhà kính là một trong những thách thức môi trường trọng yếu hiện nay, đồng thời ngày càng trở thành yêu cầu quản trị đối với doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực hóa chất và nông nghiệp, VFC nhận diện nguồn phát thải phát sinh từ sản xuất, logistics và quá trình sử dụng sản phẩm trong canh tác.

Để hạn chế tác động môi trường, Công ty từng bước thúc đẩy sử dụng năng lượng hiệu quả, nghiên cứu chuyển dịch sang các giải pháp bền vững hơn và tăng cường đào tạo nông dân về sử dụng phân bón hợp lý, nhằm giảm dư thừa đầu vào và hạn chế phát thải không cần thiết. Các định hướng này góp phần hỗ trợ mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững và tăng trưởng xanh.

Quản Lý Nguồn Nguyên Vật Liệu

VFC kinh doanh các sản phẩm nông dược, thuốc khử trùng, phân bón, giống lúa và các vật tư nông nghiệp khác. Để bảo đảm chất lượng nguồn cung, Công ty ưu tiên lựa chọn các đối tác uy tín, đồng thời kiểm soát chặt chẽ khâu vận chuyển, bảo quản và lưu kho. Hệ thống kho và đại lý được kiểm tra định kỳ nhằm bảo đảm tuân thủ quy định và duy trì chất lượng sản phẩm trong suốt quá trình phân phối.

Tiêu Thụ Năng Lượng

Năm 2025, VFC tiêu thụ 147.282 kWh điện lưới và 1.200 lít dầu DO phục vụ hoạt động sản xuất, vận hành và kinh doanh. Công ty tiếp tục triển khai các biện pháp tiết kiệm năng lượng thông qua tuyên truyền nội bộ, kiểm tra định kỳ, bảo trì thiết bị và từng bước nâng cấp hoặc thay thế thiết bị cũ bằng các phương án tiết kiệm nhiên liệu, qua đó góp phần giảm tiêu hao năng lượng và hạn chế lãng phí.

Tiêu Thụ Nước

Nguồn nước sử dụng của VFC chủ yếu được cung cấp từ hệ thống cấp nước địa phương. Trong năm 2025, Công ty sử dụng 2.988 m³ nước cấp và tái sử dụng 70,07 m³ nước RO thu hồi sau xử lý. Việc quản lý và tái sử dụng nước góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và giảm tác động đến môi trường.

Tuân Thủ Pháp Luật Về Bảo Vệ Môi Trường

VFC thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn lao động và điều kiện làm việc. Trong năm, Công ty không ghi nhận vi phạm liên quan đến môi trường. Đồng thời, VFC tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người lao động về bảo vệ môi trường và thực hành phát triển bền vững trong hoạt động hằng ngày.



Chính Sách Liên Quan Đến Người Lao Động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Năm 2025, VFC có 1.445 người lao động, với mức lương bình quân 16.000.000 đồng/người/tháng. Mức lương làm căn cứ đóng bảo hiểm bắt buộc được xây dựng phù hợp với quy định hiện hành. Công ty thực hiện điều chỉnh lương định kỳ trên cơ sở hiệu quả công việc và yêu cầu trách nhiệm của từng vị trí.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

VFC thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm bắt buộc gồm Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Công ty tổ chức thời gian làm việc, nghỉ lễ, nghỉ phép và nghỉ bù làm thêm giờ theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, VFC duy trì một số chính sách hỗ trợ thêm cho người lao động trong các trường hợp nghỉ ốm, thai sản hoặc gặp khó khăn đột xuất. Công đoàn Công ty cũng triển khai các hoạt động chăm lo đời sống, động viên người lao động và hỗ trợ con em cán bộ nhân viên có thành tích học tập tốt.

Hoạt động đào tạo người lao động

VFC chú trọng phát triển nguồn nhân lực thông qua các chương trình đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng cho nhân viên trên toàn hệ thống. Công ty đồng thời duy trì quỹ đào tạo nhằm khuyến khích nâng cao trình độ chuyên môn, đặc biệt trong các lĩnh vực khử trùng và kiểm soát sinh vật gây hại. Các hoạt động này góp phần nâng cao chất lượng nhân sự và hỗ trợ sự phát triển bền vững của Công ty.



Trách Nhiệm Đối Với Cộng Đồng Địa Phương

VFC xác định trách nhiệm xã hội là một phần trong định hướng phát triển bền vững của doanh nghiệp. Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực nông dược và khử trùng, Công ty chú trọng đồng hành cùng người nông dân thông qua các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật, cung cấp giải pháp phù hợp và chia sẻ nguồn lực thiết thực.

Trong năm, VFC triển khai các chương trình “Vui xuân cùng VFC” và “Vui xuân cùng VFC – Quà Tết cho nông dân khó khăn” với tổng kinh phí 2,628 tỷ đồng, góp phần hỗ trợ người dân và lan tỏa giá trị nhân văn tới cộng đồng.

Hoạt Động Thị Trường Vốn Xanh Theo Hướng Dẫn Của UBCKNN

VFC hiện chưa tham gia thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, Công ty tiếp tục lồng ghép các định hướng phát triển bền vững vào kế hoạch hoạt động dài hạn, đồng thời thúc đẩy các giải pháp giảm thiểu tác động môi trường trong sản xuất và kinh doanh. Đây là cơ sở để Công ty từng bước tiếp cận các tiêu chuẩn và cơ hội liên quan đến thị trường vốn xanh trong tương lai.

Chương 03

Báo cáo Ban Tổng giám đốc

3.1	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	54
3.2	Đánh giá tình hình tài chính	60
3.3	Kế hoạch phát triển trong tương lai	65
3.4	Nhận xét chung	68
3.5	Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	70
3.6	Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	70

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Bối Cảnh Hoạt Động Năm 2025

Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tiếp tục diễn ra trong bối cảnh thị trường nông nghiệp và vật tư nông nghiệp có nhiều biến động. Giá nông sản thay đổi theo chu kỳ thị trường, nhu cầu đầu tư của nông dân và hệ thống phân phối có xu hướng thận trọng hơn. Đồng thời, cạnh tranh trong ngành tiếp tục gia tăng khi các doanh nghiệp đẩy mạnh chính sách chiết khấu và hỗ trợ thương mại nhằm duy trì thị phần.

Bên cạnh đó, các quy định liên quan đến quản lý thuế, hóa đơn và minh bạch tài chính ngày càng chặt chẽ, đòi hỏi doanh nghiệp phải nâng cao năng lực quản trị nội bộ và kiểm soát rủi ro. Trong bối cảnh đó, Ban Điều hành Công ty triển khai các giải pháp điều hành theo định hướng xuyên suốt:

**Ổn Định Nền Tảng –
Nâng Cao Chất Lượng Doanh Thu –
Tăng Trưởng Bền Vững.**

Kết Quả Kinh Doanh Tổng Hợp

Bảng dưới đây trình bày kết quả thực hiện năm 2025 so với kế hoạch điều hành nội bộ của Ban Điều hành, phục vụ công tác đánh giá hiệu quả điều hành trong năm. Các chỉ tiêu này có thể khác với kế hoạch năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và trình bày tại Chương II của Báo cáo thường niên.

3.670 tỷ Doanh thu bán hàng 2025

341,9 tỷ Lợi nhuận sau thuế 2025

Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	TH 2025	%THKH	% so với 2024
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.807 tỷ	3.960 tỷ	3.670 tỷ	92,7%	96,4%
Lợi nhuận sau thuế	471,3 tỷ	365 tỷ	341,9 tỷ	95,0%	72,5%
Lợi nhuận sau thuế loại trừ yếu tố Hải Yển	343,4 tỷ	365 tỷ	341,9 tỷ	95,0%	99,6%

Năm 2025, VFC ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất đạt 3.670 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 341,9 tỷ đồng, tương đương 99,6% so với mức lợi nhuận năm 2024 sau khi loại trừ khoản thu nhập bất thường từ xử lý hợp nhất Công ty Hải Yển. Kết quả này cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty tiếp tục được duy trì ổn định, đồng thời phản ánh sự chủ động và linh hoạt trong công tác điều hành trước những biến động của thị trường.



Kết Quả Theo Các Ngành Kinh Doanh

Nông được

Năm 2025, ngành Nông được tiếp tục duy trì vai trò là mảng kinh doanh cốt lõi của Công ty, đóng góp tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu và lợi nhuận hợp nhất. Doanh thu đạt 2.947 tỷ đồng, hoàn thành 90,4% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế đạt 217,5 tỷ đồng, hoàn thành 84,4% kế hoạch. Công ty vẫn duy trì được quy mô doanh thu nhờ hệ thống phân phối rộng và danh mục sản phẩm đa dạng, dù biên lợi nhuận tiếp tục chịu áp lực từ cạnh tranh thị trường và các chính sách chiết khấu, hỗ trợ bán hàng.

2.947 tỷ Doanh thu bán hàng 2025

217,5 tỷ Lợi nhuận sau thuế 2025

Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	TH 2025	%THKH	% so với 2024
Doanh thu	3.183 tỷ	3.260 tỷ	2.947 tỷ	90,40%	92,60%
Lợi nhuận sau thuế	224,1 tỷ	257,8 tỷ	217,5 tỷ	84,40%	97,10%

Khử trùng

Ngành Khử trùng tiếp tục ghi nhận tăng trưởng ổn định trong năm 2025, với doanh thu đạt 334 tỷ đồng, tăng 7,7% so với năm 2024 và hoàn thành 104% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế đạt 55,8 tỷ đồng, tăng 14% so với năm trước và hoàn thành 96,2% kế hoạch. Kết quả này phản ánh nhu cầu dịch vụ khử trùng trong hoạt động xuất khẩu nông sản và logistics tiếp tục duy trì ở mức tích cực, đồng thời cho thấy mảng khử trùng vẫn giữ được hiệu quả hoạt động tương đối ổn định.

334 tỷ Doanh thu bán hàng 2025

55,8 tỷ Lợi nhuận sau thuế 2025

Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	TH 2025	%THKH	% so với 2024
Doanh thu	311 tỷ	320 tỷ	334 tỷ	104,00%	107,40%
Lợi nhuận sau thuế	49 tỷ	58 tỷ	55,8 tỷ	96,20%	113,90%

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TT)



Ngành dịch vụ kiểm soát dịch hại (PestMan)

Ngành dịch vụ kiểm soát dịch hại (PestMan) tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng tốt trong nhóm dịch vụ của Công ty, với doanh thu đạt 286 tỷ đồng, tăng 2,5% so với năm 2024 và hoàn thành 98,6% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế đạt 48,8 tỷ đồng, tăng 1,7% so với năm trước và hoàn thành 97,6% kế hoạch. Tăng trưởng của ngành chủ yếu đến từ việc mở rộng hợp đồng dịch vụ định kỳ và gia tăng khách hàng trong phân khúc doanh nghiệp, qua đó góp phần củng cố nguồn doanh thu ổn định và nâng cao hiệu quả hoạt động.

286 tỷ

Doanh thu bán hàng 2025

48,8 tỷ

Lợi nhuận sau thuế 2025

Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	TH 2025	%THKH	% so với 2024
Doanh thu	279 tỷ	290 tỷ	286 tỷ	98,60%	102,50%
Lợi nhuận sau thuế	48 tỷ	50 tỷ	48,8 tỷ	97,60%	101,70%

Dịch vụ cho thuê văn phòng

Mảng cho thuê văn phòng tiếp tục duy trì nguồn thu ổn định trong năm 2025, với doanh thu đạt 13,7 tỷ đồng, tương đương 91,3% kế hoạch và tăng nhẹ 1,5% so với năm 2024. Lợi nhuận sau thuế đạt 5,4 tỷ đồng, tương đương 73,0% kế hoạch và giảm 3,6% so với năm trước, chủ yếu do chi phí bảo trì và vận hành tăng. Mặc dù quy mô không lớn, mảng này vẫn đóng vai trò tạo dòng tiền ổn định và hỗ trợ cân bằng cơ cấu doanh thu của Công ty.

13,7 tỷ

Doanh thu bán hàng 2025

5,4 tỷ

Lợi nhuận sau thuế 2025

Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	TH 2025	%THKH	% so với 2024
Doanh thu	13,5 tỷ	15 tỷ	13,7 tỷ	91,30%	101,50%
Lợi nhuận sau thuế	5,6 tỷ	7,2 tỷ	5,4 tỷ	73,00%	96,40%

Công ty Hải Yến

Trong năm 2025, Công ty Hải Yến ghi nhận doanh thu đạt 89 tỷ đồng, tương ứng 423,8% so với năm 2024 (do hợp nhất số liệu từ 01/10/2024) và vượt 18,7% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế đạt 14,3 tỷ đồng, vượt 78,8% kế hoạch. Kết quả này cho thấy đơn vị tiếp tục cải thiện hiệu quả hoạt động và đóng góp tích cực hơn vào kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty.

89 tỷ

Doanh thu bán hàng 2025

14,3 tỷ

Lợi nhuận sau thuế 2025

Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	TH 2025	%THKH	% so với 2024
Doanh thu	21 tỷ	75 tỷ	89 tỷ	118,70%	423,80%
Lợi nhuận sau thuế	144 tỷ	8 tỷ	14,3 tỷ	178,80%	9,90%

Thực hiện 2024 của Hải Yến chỉ hợp nhất từ Q4/2024.

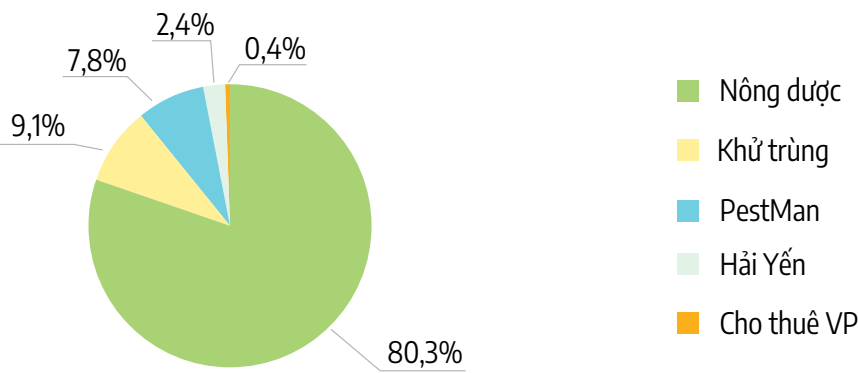
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TT)

Cơ Cấu Doanh Thu Và Lợi Nhuận Theo Ngành Năm 2025

Cơ cấu doanh thu & Lợi nhuận sau thuế

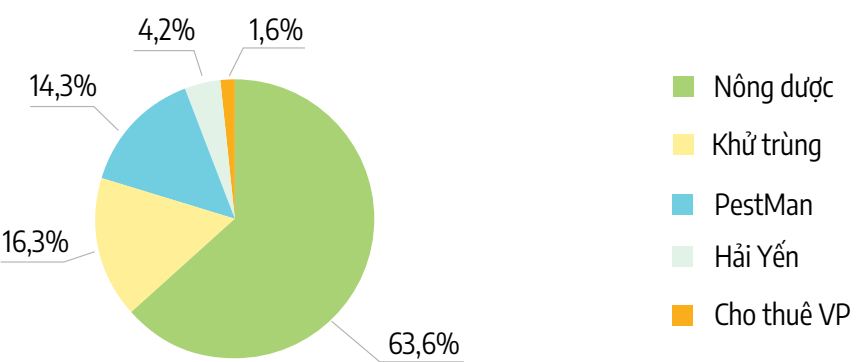
Ngành	Doanh thu	Tỷ trọng	LNST	Tỷ trọng
Nông dược	2.947 tỷ	80,3%	217,5 tỷ	63,6%
Khử trùng	334 tỷ	9,1%	55,8 tỷ	16,3%
PestMan	286 tỷ	7,8%	48,8 tỷ	14,3%
Hải Yến	89 tỷ	2,4%	14,3 tỷ	4,2%
Cho thuê Văn phòng	13,7 tỷ	0,4%	5,4 tỷ	1,6%

Cơ cấu doanh thu theo ngành



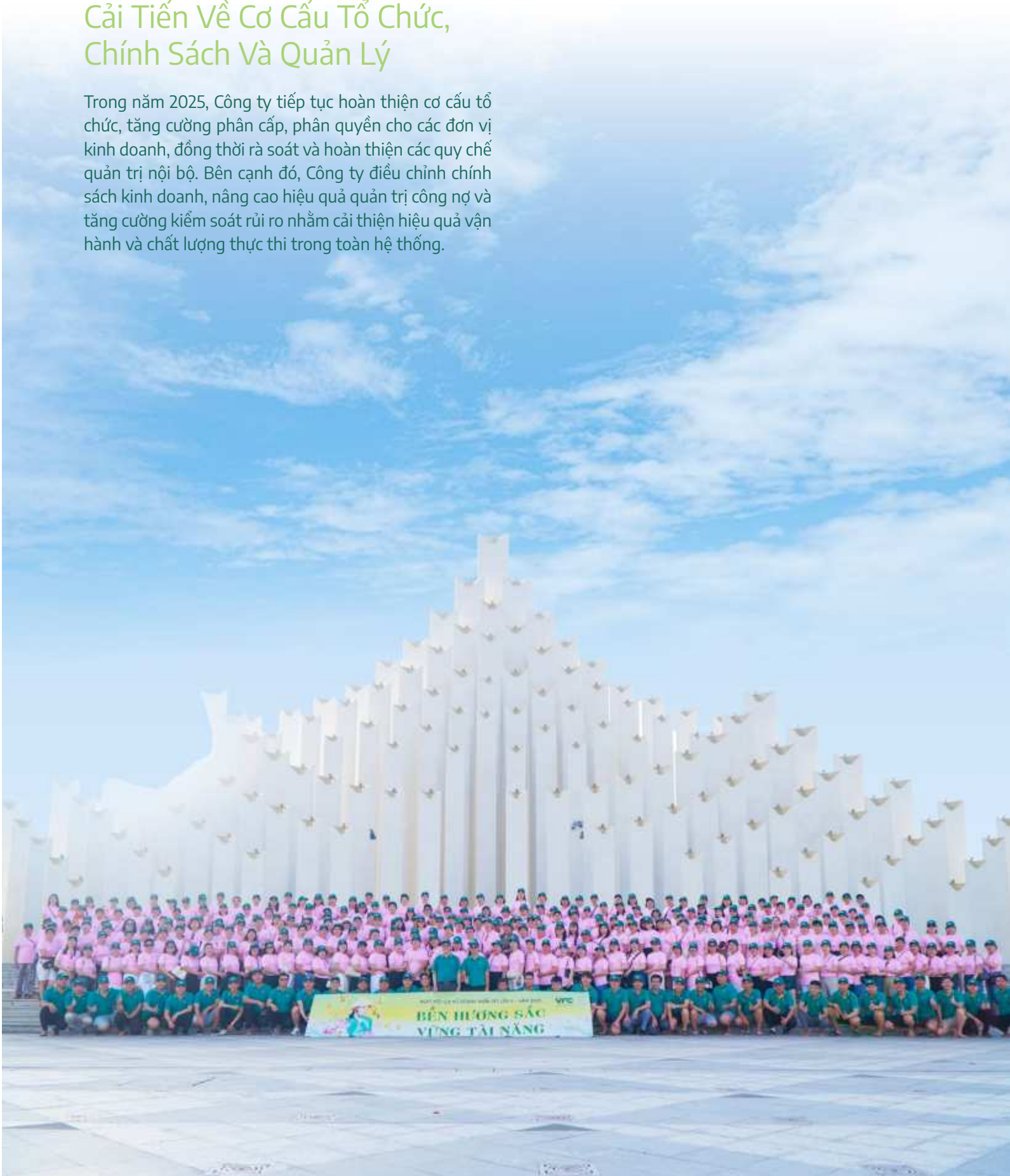
Nhìn chung, kết quả hoạt động năm 2025 cho thấy cơ cấu kinh doanh của VFC tiếp tục chuyển dịch theo hướng cân bằng và bền vững hơn. Trong khi ngành Nông dược vẫn giữ vai trò nền tảng, các mảng dịch vụ như Khử trùng và PestMan ngày càng đóng góp rõ nét hơn vào lợi nhuận. Xu hướng này giúp Công ty đa dạng hóa nguồn thu, giảm mức độ phụ thuộc vào chu kỳ của thị trường nông nghiệp và nâng cao tính ổn định trong hoạt động kinh doanh.

Cơ cấu lợi nhuận sau thuế theo ngành



Cải Tiến Về Cơ Cấu Tổ Chức, Chính Sách Và Quản Lý

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường phân cấp, phân quyền cho các đơn vị kinh doanh, đồng thời rà soát và hoàn thiện các quy chế quản trị nội bộ. Bên cạnh đó, Công ty điều chỉnh chính sách kinh doanh, nâng cao hiệu quả quản trị công nợ và tăng cường kiểm soát rủi ro nhằm cải thiện hiệu quả vận hành và chất lượng thực thi trong toàn hệ thống.



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đánh giá chung



Năm 2025, Ban Điều hành tiếp tục điều hành tài chính theo định hướng an toàn, thận trọng và linh hoạt, phù hợp với đặc thù hoạt động thương mại và dịch vụ kỹ thuật của Công ty. Trong bối cảnh thị trường vẫn còn nhiều biến động, VFC duy trì được nền tảng tài chính ổn định, bảo đảm khả năng thanh khoản, chủ động trong vận hành và từng bước nâng cao mức độ tự chủ về vốn.

Về tổng thể, cơ cấu tài chính năm 2025 cho thấy Công ty tiếp tục duy trì nền tảng vận hành tương đối vững, với tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn, nợ phải trả giảm, vốn chủ sở hữu tăng và các chỉ tiêu thanh khoản, cơ cấu vốn được cải thiện. Những yếu tố này hỗ trợ Công ty chủ động hơn trong quản trị vốn lưu động, đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn, đồng thời tạo dư địa cho hoạt động đầu tư và phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

Đối với hiệu quả hoạt động, mặc dù các chỉ tiêu sinh lời giảm so với mức nền cao của năm 2024, Ban Điều hành đánh giá hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty vẫn được duy trì ổn định. Mức giảm lợi nhuận trong năm chủ yếu phản ánh yếu tố so sánh với khoản thu nhập bất thường ghi nhận trong năm trước, không làm thay đổi bản chất ổn định của hoạt động kinh doanh cốt lõi trong năm 2025.

Trên cơ sở đó, Ban Điều hành xác định trọng tâm quản trị tài chính trong thời gian tới là tiếp tục kiểm soát chặt chẽ vốn lưu động, nâng cao chất lượng doanh thu, tối ưu hiệu quả sử dụng vốn, quản trị rủi ro tỷ giá, công nợ và chi phí đầu vào, đồng thời duy trì nền tảng tài chính an toàn để phục vụ các kế hoạch đầu tư, phát triển sản phẩm và mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm 2026.

Quy Mô Tài Sản Và Cơ Cấu Nguồn Vốn

2.419,0 Tỷ Tổng tài sản Hợp nhất cuối 2025

Tình Hình Tài Sản

Tại ngày 31/12/2025, tổng tài sản hợp nhất của Công ty đạt 2.419,9 tỷ đồng, giảm 75,9 tỷ đồng so với đầu năm. Trong đó, tài sản ngắn hạn đạt 2.149,0 tỷ đồng, chiếm khoảng 88,8% tổng tài sản; tài sản dài hạn đạt 270,9 tỷ đồng.

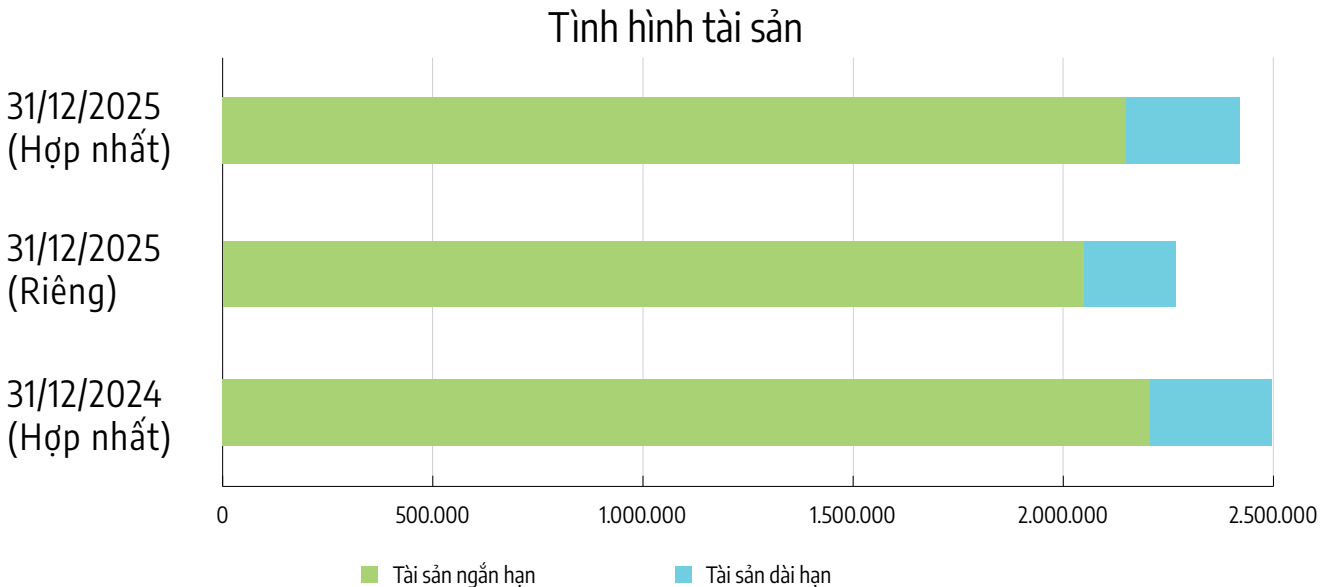
Cơ cấu tài sản này cho thấy Công ty tiếp tục duy trì tỷ trọng lớn ở tài sản ngắn hạn, phù hợp với đặc thù kinh doanh thương mại và dịch vụ kỹ thuật, nơi yêu cầu quản trị chặt chẽ hàng tồn kho, công nợ và dòng tiền vận hành. Việc duy trì quy mô tiền và tương đương tiền ở mức phù hợp cũng góp phần hỗ trợ khả năng thanh toán và nâng cao tính chủ động trong hoạt động kinh doanh thường xuyên.

Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản trọng yếu của Công ty gồm tiền và tương đương tiền khoảng 653 tỷ đồng, phải thu khách hàng khoảng 545 tỷ đồng, hàng tồn kho khoảng 860 tỷ đồng và tài sản cố định cùng tài sản dài hạn khác khoảng 270,9 tỷ đồng. Cơ cấu này phản ánh định hướng duy trì tính thanh khoản và khả năng đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh thường xuyên.

Đơn vị: Tỷ đồng

Khoản mục	Đầu năm	Cuối năm	Biến động
Tài sản ngắn hạn	2.206,9	2.149,0	-57,0
Tài sản dài hạn	288,8	270,9	-17,9
Tổng tài sản	2.495,8	2.419,9	-75,9

Đơn vị: Tỷ đồng



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TT)

Quy Mô Tài Sản Và Cơ Cấu Nguồn Vốn (tiếp theo)

Tình Hình Nguồn Vốn

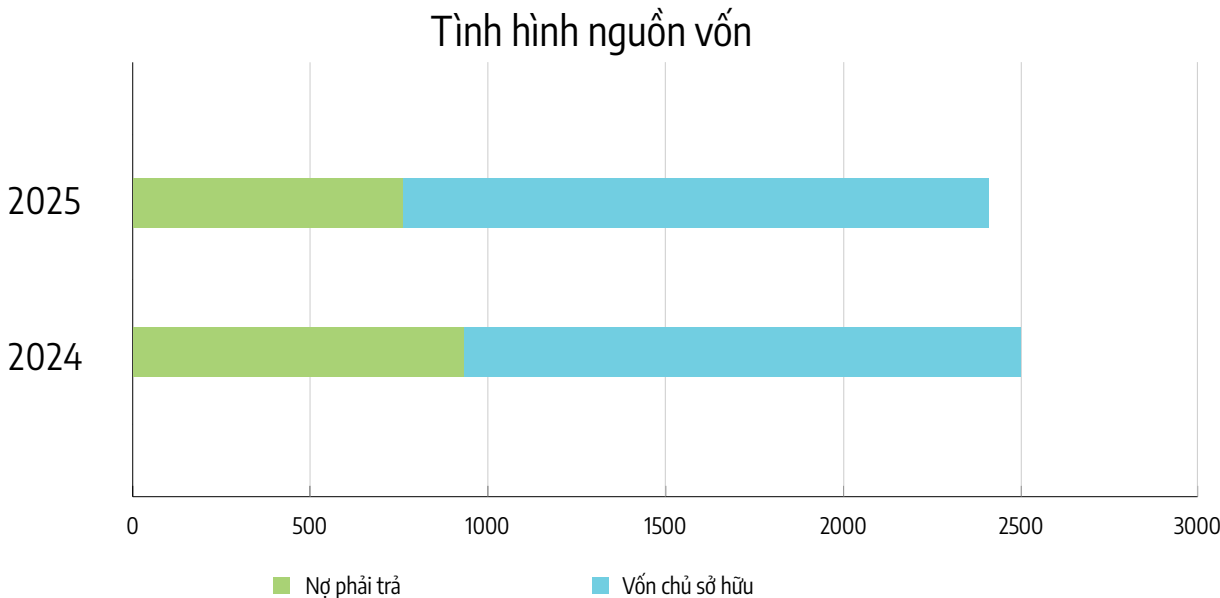
Về nguồn vốn, năm 2025 ghi nhận xu hướng tích cực khi quy mô nợ phải trả giảm, trong khi vốn chủ sở hữu tiếp tục tăng. Cụ thể, nợ phải trả giảm còn 705,2 tỷ đồng, giảm 184,7 tỷ đồng so với năm trước; trong khi vốn chủ sở hữu tăng lên 1.714,7 tỷ đồng, tăng 108,9 tỷ đồng, chủ yếu nhờ lợi nhuận giữ lại trong năm.

Diễn biến này cho thấy Công ty tiếp tục kiểm soát đòn bẩy tài chính ở mức hợp lý, đồng thời củng cố năng lực tự chủ tài chính trên nền tảng vốn chủ sở hữu. Việc giảm nghĩa vụ nợ trong khi duy trì được quy mô vốn tự có tích cực là yếu tố hỗ trợ quan trọng cho khả năng chống chịu trước biến động thị trường và tạo nền tảng cho tăng trưởng trong giai đoạn tiếp theo.

Đơn vị: Tỷ đồng

Nguồn vốn	2024	2025	Biến động
Nợ phải trả	889,9	705,2	-184,7
Vốn chủ sở hữu	1.605,9	1.714,7	+108,9
Tổng nguồn vốn	2.495,8	2.419,9	-75,9

Đơn vị: Tỷ đồng



Cơ Cấu Nợ

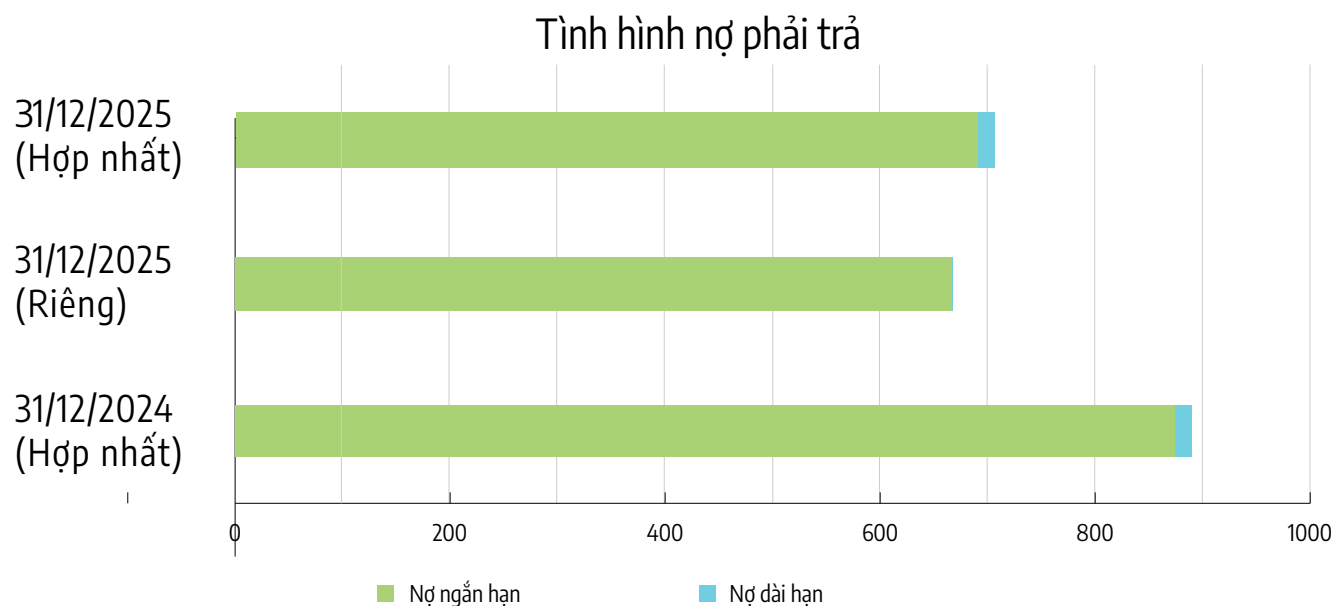
Cơ cấu nợ của Công ty tiếp tục tập trung chủ yếu ở nợ ngắn hạn, trong khi nợ dài hạn chiếm tỷ trọng rất nhỏ. So với năm 2024, tổng nợ phải trả giảm đáng kể, phản ánh định hướng điều hành thận trọng trong quản trị công nợ và vốn lưu động.

Đáng chú ý, nợ ngắn hạn hợp nhất tại thời điểm 31/12/2025 đạt 689,4 tỷ đồng, giảm còn 78,92% so với cuối năm 2024; nợ dài hạn hợp nhất ở mức 15,8 tỷ đồng, tương đương 96,70% so với năm trước. Cơ cấu này cho thấy áp lực nợ của Công ty đã được tiết giảm, đồng thời góp phần cải thiện mức độ đòn bẩy tài chính.

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024 (Hợp nhất)	Tỷ trọng	31/12/2025 (Riêng)	Tỷ trọng	31/12/2025 (Hợp nhất)	Tỷ trọng	2025/2024
Nợ ngắn hạn	873,6	98,17%	666,8	99,77%	689,4	97,77%	78,92%
Nợ dài hạn	16,3	1,83%	1,5	0,23%	15,8	2,23%	96,70%
Tổng nợ phải trả	889,9	100,00%	668,3	100,00%	705,2	100,00%	79,24%

Đơn vị: Tỷ đồng



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TT)

Đánh Giá Hiệu Quả Tài Chính Và Định Hướng Điều Hành

Xét trên phương diện hiệu quả tài chính, Ban Điều hành cho rằng kết quả năm 2025 cần được nhìn nhận trong bối cảnh so sánh với mức nền cao của năm 2024. Mặc dù các chỉ tiêu sinh lời giảm so với năm trước, doanh thu hợp nhất vẫn duy trì tăng trưởng nhẹ và hoạt động kinh doanh cốt lõi vẫn được giữ ở trạng thái ổn định. Điều này cho thấy kết quả năm 2025 phản ánh rõ hơn hiệu quả hoạt động thực chất của Công ty, thay vì chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố mang tính bất thường.

Trên nền tảng đó, định hướng điều hành tài chính trong thời gian tới sẽ tiếp tục tập trung vào bốn trọng tâm:

1.

Kiểm soát chặt chẽ vốn lưu động và chất lượng công nợ

2.

Nâng cao chất lượng doanh thu và hiệu quả biên lợi nhuận

3.

Tối ưu hiệu quả sử dụng vốn, gắn đầu tư với hiệu quả khai thác

4.

Duy trì nền tảng tài chính an toàn để hỗ trợ kế hoạch tăng trưởng năm 2026 theo hướng thận trọng, linh hoạt và bền vững

Nhìn chung, Ban Điều hành đánh giá tình hình tài chính của VFC trong năm 2025 tiếp tục được củng cố theo hướng ổn định, an toàn và tăng cường tự chủ tài chính. Đây là nền tảng quan trọng để Công ty duy trì hiệu quả hoạt động, nâng cao khả năng thích ứng với biến động thị trường và triển khai các định hướng phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế Hoạch Sản Xuất Kinh Doanh 2026

Bối cảnh thị trường và những thách thức

Bước sang năm 2026, môi trường kinh doanh được dự báo tiếp tục đối mặt với nhiều yếu tố bất định từ kinh tế và địa chính trị toàn cầu.

Trên phạm vi quốc tế, căng thẳng địa chính trị tại một số khu vực, đặc biệt là khu vực Trung Đông, có thể tiếp tục tác động đến giá năng lượng, chi phí logistics và chuỗi cung ứng toàn cầu. Những biến động này có khả năng làm gia tăng chi phí vận chuyển, chi phí nguyên liệu đầu vào và áp lực tỷ giá đối với các doanh nghiệp nhập khẩu vật tư nông nghiệp.

Trong nước, thị trường nông nghiệp vẫn đang chịu tác động từ sự biến động của giá nông sản và chi phí sản xuất. Tâm lý đầu tư của nông dân và hệ thống phân phối vì vậy có xu hướng thận trọng hơn. Bên cạnh đó, cạnh tranh trong ngành vật tư nông nghiệp tiếp tục gia tăng khi nhiều doanh nghiệp đẩy mạnh chính sách thương mại nhằm mở rộng thị phần.

Đối với các mảng dịch vụ như khử trùng và kiểm soát dịch hại (PCO), nhu cầu thị trường vẫn duy trì ổn định nhờ sự phát triển của hoạt động xuất khẩu nông sản và logistics. Tuy nhiên, các doanh nghiệp trong ngành cũng phải đối mặt với áp lực cạnh tranh về giá và yêu cầu ngày càng cao về chất lượng dịch vụ.

Mục tiêu kinh doanh năm 2026

Trên cơ sở đánh giá bối cảnh thị trường và kết quả thực hiện năm 2025, Ban Điều hành xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2026 theo hướng thận trọng, linh hoạt và ưu tiên chất lượng tăng trưởng.

3.970 tỷ

Doanh thu bán hàng 2026

365 tỷ

Lợi nhuận sau thuế 2026

Chỉ tiêu	TH 2025	KH 2026	%KH/TH
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.669,9 tỷ	3.970 tỷ	108,20%
Lợi nhuận sau thuế	341,9 tỷ	365 tỷ	106,70%

Theo đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2026 dự kiến tăng 8,2% so với thực hiện năm 2025, trong khi lợi nhuận sau thuế tăng 6,7%. Kế hoạch này phản ánh định hướng điều hành thận trọng, chú trọng hiệu quả hoạt động, kiểm soát rủi ro và duy trì nền tảng tài chính an toàn.

Trong năm 2026, các chương trình hành động trọng tâm của Công ty tập trung vào phát triển sản phẩm mới, nâng cao hiệu quả hệ thống phân phối, mở rộng các mảng dịch vụ kỹ thuật và đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị, vận hành. Các chương trình này nhằm nâng cao chất lượng doanh thu, kiểm soát chi phí và tăng cường năng lực cạnh tranh của Công ty trong trung hạn.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI (TT)

Kế hoạch theo từng ngành

Nông dược	3.215 tỷ	Cho thuê văn phòng	15 tỷ
Khử trùng	350 tỷ	Hải Yến	90 tỷ
PestMan	300 tỷ		

Trong năm 2026, ngành Nông dược tiếp tục giữ vai trò mảng kinh doanh chủ lực của Công ty, với định hướng duy trì tăng trưởng hợp lý và nâng cao hiệu quả thông qua tối ưu danh mục sản phẩm và hệ thống phân phối. Ngành Khử trùng được định hướng duy trì tăng trưởng ổn định trên cơ sở nhu cầu dịch vụ kiểm dịch trong chuỗi xuất khẩu nông sản và logistics. Ngành PestMan (PCO) tiếp tục mở rộng khách hàng doanh nghiệp và phát triển các hợp đồng dịch vụ định kỳ nhằm gia tăng nguồn doanh thu ổn định. Dịch vụ cho thuê văn phòng tiếp tục đóng góp dòng tiền ổn định và nâng cao hiệu quả khai thác các tài sản hiện có của Công ty. Trong khi đó, Công ty Hải Yến được kỳ vọng tiếp tục cải thiện hiệu quả hoạt động và gia tăng đóng góp vào kết quả kinh doanh chung của toàn hệ thống.

Nhìn chung, kế hoạch năm 2026 được xây dựng theo hướng tăng trưởng hợp lý, đồng thời chú trọng kiểm soát rủi ro trong bối cảnh thị trường vẫn còn nhiều yếu tố bất định. Trên cơ sở đó, Ban Điều hành xác định các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2026 gồm: củng cố nền tảng hoạt động của các ngành kinh doanh hiện hữu; nâng cao chất lượng doanh thu và hiệu quả hoạt động; tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị và kiểm soát rủi ro. Những định hướng này là cơ sở để VFC duy trì tăng trưởng ổn định và nâng cao năng lực cạnh tranh trong các năm tiếp theo.

Ngành	TH 2025	KHDT 2026	KH LNST 2026
Nông dược	2.947 tỷ	3.215 tỷ	234 tỷ
Khử trùng	334 tỷ	350 tỷ	60 tỷ
PestMan	286 tỷ	300 tỷ	50 tỷ
Cho thuê văn phòng	13,7 tỷ	15 tỷ	6 tỷ
Hải Yến	89 tỷ	90 tỷ	15 tỷ

Tình Hình Đầu Tư Năm 2025 Và Kế Hoạch 2026

Ngân sách 2025	32 tỷ	Kế hoạch 2026	45 tỷ
Thực hiện 2025	25,3 tỷ		

Trong năm 2025, Công ty đã triển khai các chương trình đầu tư nhằm nâng cao năng lực hoạt động, cải thiện hiệu quả quản trị và hỗ trợ cho các mục tiêu phát triển dài hạn. Tổng ngân sách đầu tư theo kế hoạch năm 2025 là 32 tỷ đồng; giá trị thực hiện đạt 25,3 tỷ đồng, tương đương 79,1%.

Nhìn chung, các khoản đầu tư trong năm 2025 tập trung vào nâng cao năng lực vận hành, hỗ trợ phát triển sản phẩm, hoàn thiện hạ tầng công nghệ và cải thiện điều kiện hoạt động tại các đơn vị kinh doanh. Một số hạng mục chưa được triển khai đầy đủ trong năm sẽ tiếp tục được theo dõi và thúc đẩy thực hiện trong năm 2026 nhằm bảo đảm tiến độ và hiệu quả đầu tư theo định hướng đã đề ra.

Đơn vị: Tỷ đồng

Hạng mục	Ngân sách 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ	Kế hoạch 2026
Phương tiện vận tải	7	6,5	93,0%	5
Nghiên cứu & phát triển sản phẩm	10	9,3	93,0%	20
Nâng cấp hệ thống CNTT	5	4,9	97,1%	10
Nhận diện chi nhánh & điểm kinh doanh (KH Năm 2026- Cải tạo văn phòng Chi Nhánh & Điểm Kinh Doanh)	5	4,4	87,3%	3
Thiết bị Nhà máy Long An	5	0,2	4,68%	7
Tổng	32	25,3	79,1%	45

NHẬN XÉT CHUNG

Năm 2025, trong bối cảnh thị trường nông nghiệp và vật tư nông nghiệp còn nhiều biến động, Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam vẫn duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, bảo đảm nền tảng tài chính vững chắc và tiếp tục khẳng định vị thế trong các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi.

Doanh thu hợp nhất của Công ty đạt 3.670 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2024. Lợi nhuận sau thuế đạt 341,9 tỷ đồng, tương đương 99,6% so với mức lợi nhuận năm 2024 sau khi loại trừ khoản lợi nhuận bất thường từ xử lý hợp nhất Công ty Hải Yến 144 tỷ đồng. Kết quả này cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty tiếp tục được duy trì ổn định, đồng thời phản ánh sự chủ động và linh hoạt trong công tác điều hành của Ban Lãnh đạo trước những biến động của thị trường.

Cơ cấu kinh doanh năm 2025 tiếp tục chuyển dịch theo hướng cân bằng hơn, trong đó ngành Nông dược vẫn giữ vai trò nền tảng, còn các mảng dịch vụ như Khử trùng và PestMan gia tăng đóng góp vào lợi nhuận. Xu hướng này giúp Công ty đa dạng hóa nguồn thu, giảm mức độ phụ thuộc vào chu kỳ của thị trường nông nghiệp và nâng cao tính ổn định trong hoạt động kinh doanh.

Bước sang năm 2026, Công ty đặt mục tiêu doanh thu hợp nhất đạt 3.970 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 365 tỷ đồng, theo định hướng tăng trưởng thận trọng, nâng cao chất lượng doanh thu và tăng cường kiểm soát rủi ro. Trên cơ sở đó, VFC tiếp tục ưu tiên củng cố ngành Nông dược, nâng cao hiệu quả các mảng dịch vụ, tăng cường quản trị và tối ưu hóa nguồn lực nhằm tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

Thực hiện 2025

3.670 tỷ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

341,9 tỷ

Lợi nhuận sau thuế 2025

Kế hoạch 2026

3.970 tỷ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

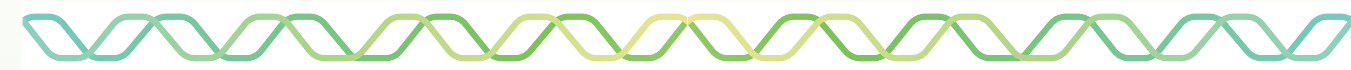
365 tỷ

Lợi nhuận sau thuế 2026



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính của VFC là ý kiến chấp nhận toàn phần. Do đó, Ban Tổng Giám đốc không có giải trình gì thêm.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh Giá Liên Quan Đến Các Chỉ Tiêu Môi Trường

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông dược – ngành có đặc thù tiềm ẩn nhiều rủi ro môi trường – VFC luôn đặt ưu tiên cao trong việc giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái thông qua việc xanh hóa quy trình sản xuất, kiểm soát phát thải khí nhà kính và xử lý chất thải hiệu quả. Công ty hướng tới mục tiêu xây dựng một môi trường sản xuất sạch, an toàn và thân thiện, đồng thời tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng và tài nguyên nước tại tất cả các đơn vị vận hành.

VFC chủ động triển khai nhiều chương trình tuyên truyền và giáo dục nội bộ nhằm nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường trong toàn hệ thống. Các hội thảo chuyên đề về xử lý chất thải, tiết kiệm năng lượng, phân loại rác và giảm phát thải GHG được tổ chức thường xuyên, góp phần hình thành thói quen sống xanh trong từng cán bộ nhân viên. Những sáng kiến này không chỉ mang lại hiệu quả môi trường lâu dài mà còn góp phần khẳng định cam kết của VFC trong chiến lược phát triển bền vững, gắn kết chặt chẽ với cộng đồng, khách hàng, đối tác và người lao động.

Đánh Giá Liên Quan Đến Vấn Đề Người Lao Động

VFC xem nguồn nhân lực là nền tảng quan trọng cho sự phát triển bền vững, do đó Công ty luôn chú trọng bảo vệ quyền lợi và nâng cao đời sống của người lao động. Trong năm 2025, Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ với Công đoàn để đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách về lương, thưởng, bảo hiểm và chế độ phúc lợi.

Bên cạnh việc xây dựng môi trường làm việc hài hòa, gắn kết, Công ty còn tổ chức các đợt khám sức khỏe định kỳ, nâng cao sức khỏe thể chất cho người lao động, tạo điều kiện làm việc ổn định và lâu dài. Những hoạt động này thể hiện sự quan tâm thực chất, không chỉ về mặt chính sách mà còn ở phương diện tinh thần, góp phần gia tăng mức độ hài lòng và gắn bó của đội ngũ.

Đánh Giá Liên Quan Đến Trách Nhiệm Của Doanh Nghiệp Đối Với Cộng Đồng Địa Phương

Trong năm, Công ty đã tích cực triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ cộng đồng như: thăm hỏi hộ gia đình khó khăn, trao học bổng cho học sinh nghèo hiếu học, tổ chức các chương trình thiện nguyện tại địa phương có hoạt động sản xuất – kinh doanh. Những chương trình này không chỉ mang lại giá trị thiết thực mà còn góp phần xây dựng nền tảng phát triển bền vững cho cộng đồng.

Ngoài ra, VFC còn tổ chức các chương trình tư vấn kỹ thuật và hỗ trợ canh tác cho bà con nông dân, nhất là trong bối cảnh chi phí đầu vào như giống, nông dược và dịch vụ tăng cao. Thông qua việc đồng hành cùng người nông dân, Công ty tiếp tục khẳng định vai trò doanh nghiệp trách nhiệm, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng nông nghiệp Việt Nam.



Chương 04

Đánh giá của Hội đồng quản trị

4.1	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	74
4.2	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc	75
4.3	Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị	76

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam diễn ra trong bối cảnh thị trường nông nghiệp và vật tư nông nghiệp còn nhiều biến động. Giá nông sản biến động theo chu kỳ, nhu cầu đầu tư của nông dân và hệ thống phân phối thận trọng hơn, trong khi cạnh tranh trong ngành tiếp tục gia tăng. Bên cạnh đó, các quy định về quản lý thuế, hóa đơn và minh bạch tài chính ngày càng chặt chẽ, cùng với diễn biến thời tiết bất lợi trong năm đã tạo thêm áp lực đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong bối cảnh đó, Ban Điều hành đã triển khai các giải pháp điều hành theo định hướng ổn định nền tảng hoạt động, nâng cao chất lượng doanh thu và hướng tới tăng trưởng bền vững. Hội đồng quản trị ghi nhận nỗ lực của Ban Điều hành trong việc chủ động ứng phó với các biến động của thị trường, kiểm soát rủi ro và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh các chỉ tiêu kinh doanh, Công ty tiếp tục triển khai các hoạt động liên quan đến môi trường và xã hội theo định hướng phát triển bền vững. Trong năm, VFC tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng, tái sử dụng nước, cải tiến xử lý chất thải và nâng cao nhận thức nội bộ về bảo vệ môi trường.

Trong lĩnh vực xã hội, VFC tiếp tục đồng hành cùng khách hàng và cộng đồng, đặc biệt là bà con nông dân, thông qua các chương trình hỗ trợ kỹ thuật, hội thảo tư vấn và hoạt động an sinh xã hội tại địa phương. Các hoạt động này góp phần củng cố uy tín doanh nghiệp và thể hiện trách nhiệm xã hội của Công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc và ghi nhận nỗ lực của Ban Điều hành trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Cụ thể:

01.

Từ Quý II/2025, Công ty thực hiện kiện toàn Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, bao gồm việc bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị mới và bổ sung 01 Phó Tổng Giám đốc, sau đó kiện toàn thành vị trí Phó Tổng Giám đốc Thường trực. Việc sắp xếp nhân sự điều hành được thực hiện phù hợp với yêu cầu quản trị và phân công nhiệm vụ của Công ty.

02.

Tổng Giám đốc phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng Giám đốc và duy trì họp giao ban định kỳ để rà soát tiến độ, chất lượng công việc.

03.

Hoạt động sản xuất kinh doanh được triển khai bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

04.

Ban Điều hành chủ động nhận diện rủi ro và ban hành kịp thời các hướng dẫn nội bộ nhằm tăng cường kiểm soát trong các khâu sản xuất, tài chính và phân phối.

05.

Hàng quý, Ban Điều hành tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý.

06.

Công tác tài chính – kế toán được thực hiện đúng quy định; sổ sách, kiểm kê tài sản được theo dõi đầy đủ, chính xác, không phát sinh sai lệch trọng yếu.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2025, trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động, Công ty vẫn duy trì được nền tảng hoạt động ổn định và kết quả kinh doanh cốt lõi tích cực. Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện năm 2025, năng lực nội tại và bối cảnh kinh doanh năm 2026, Hội đồng quản trị thống nhất với Ban Điều hành về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 theo định hướng tăng trưởng thận trọng, nâng cao chất lượng doanh thu và kiểm soát rủi ro như sau:

Tính tại ngày 31/12/2025

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2025 (Riêng)	TH 2025 (Hợp nhất)	KH 2026
1	Doanh thu thuần	3.441	3.530	3.970
2	Lợi nhuận sau thuế	335,6	341,9	365

Để thực hiện kế hoạch năm 2026, Hội đồng quản trị xác định các định hướng trọng tâm theo hướng ưu tiên hiệu quả, chất lượng doanh thu và năng lực thích ứng như sau:

- Tăng cường quản trị rủi ro

Theo dõi sát biến động giá nguyên liệu, tỷ giá và thị trường để chủ động điều chỉnh kế hoạch nhập hàng, sản xuất và phân phối.
- Nâng cao chất lượng doanh thu và hiệu quả hoạt động

Tiếp tục tối ưu hệ thống phân phối, kiểm soát chi phí, cải tiến quy trình và ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao năng suất và biên lợi nhuận.
- Củng cố ngành Nông dược và phát triển các mảng dịch vụ

Duy trì vai trò chủ lực của ngành Nông dược, đồng thời nâng cao hiệu quả các mảng Khử trùng, PestMan, cho thuê văn phòng và các đơn vị thành viên nhằm tăng tính cân bằng trong cơ cấu kinh doanh.
- Nâng cao năng lực quản trị và nguồn nhân lực

Hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ, đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và tăng cường ứng dụng AI trong toàn hệ thống.
- Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển

Mở rộng danh mục sản phẩm, ưu tiên các dòng sản phẩm hữu cơ sinh học, công nghệ xanh và các giải pháp nông nghiệp bền vững.

Kế hoạch năm 2026 được xây dựng trên cơ sở thận trọng, linh hoạt và phù hợp với năng lực nội tại của Công ty, đồng thời hướng đến mục tiêu duy trì tăng trưởng hợp lý và nâng cao chất lượng hiệu quả kinh doanh.



Chương 05

Quản trị Công ty

5.1	Hội đồng quản trị	80
5.2	Ban Kiểm soát	90
5.3	Ban điều hành	93
5.4	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	93

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành phần và Cơ cấu HĐQT

Trong năm 2025, HĐQT có tổng cộng 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập, phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT (QCHĐQT) và các quy định pháp luật có liên quan.

Các thành viên HĐQT đã phát huy năng lực chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn khi tham gia vào các hoạt động hoạch định chiến lược, kiểm soát tuân thủ và phản biện các vấn đề quan trọng, góp phần đảm bảo các chuẩn mực quản trị công ty.

Ông Trương Công Cứ

Chủ tịch HĐQT/
Người Đại diện theo
Pháp luật



Bà Nguyễn Thị Trà My

Thành viên HĐQT



Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương

Thành viên HĐQT



Ông Trần Văn Dũng

Thành viên HĐQT/
Tổng Giám Đốc/
Người được ủy quyền CBTT



Ông Mai Tuấn Anh

Thành viên HĐQT độc lập



Số lượng CP sở hữu	779.751	0
Tỷ lệ sở hữu	1,87%	0,00%
Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các Công ty khác	Không có	5 chức danh
Chức danh quản lý nắm giữ tại các Công ty khác	Không có	- Phó Chủ tịch HĐQT – CTCP Tập đoàn PAN - Chủ tịch HĐQT – CTCP PAN Farm - Chủ tịch HĐQT – CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Phó Chủ tịch HĐQT – CTCP Thực phẩm Sao Ta - Phó Chủ tịch HĐQT – CTCP Thực phẩm Khang An

Những thay đổi trong HĐQT trong năm 2025 từ 25/04/2025

Các trường hợp bổ nhiệm

- Ông Trương Công Cứ - Bổ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT
- Bà Nguyễn Thị Trà My - Bổ nhiệm chức danh thành viên HĐQT

Các trường hợp miễn nhiệm

- Bà Nguyễn Bạch Tuyết - Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT

0	3.995	14.069
0,00%	0,01%	0,03%
Không có	Không có	Không có
Không có	Không có	Không có

Các Tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị



Tiểu ban Chiến lược thuộc HĐQT

Thực hiện theo Bảng phân công nhiệm vụ và quyền hạn.



Tiểu ban Nhân sự – Lương thưởng

Thực hiện theo Bảng phân công nhiệm vụ và quyền hạn.



Tiểu ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro

Thực hiện theo Bảng phân công nhiệm vụ và quyền hạn.



Tiểu ban Phát triển bền vững

Thực hiện theo Bảng phân công nhiệm vụ và quyền hạn.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TT)

Các Ban Và Tiểu Ban Thuộc Hội Đồng Quản Trị

Tiểu ban Chiến lược thuộc HĐQT

Thuộc Hội Đồng Quản Trị – Thực hiện theo Bảng phân công nhiệm vụ và quyền hạn.

Tiểu ban Nhân sự – Lương thưởng

Thuộc Hội Đồng Quản Trị – Thực hiện theo Bảng phân công nhiệm vụ và quyền hạn.

Tiểu ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro

Thuộc Hội Đồng Quản Trị – Thực hiện theo Bảng phân công nhiệm vụ và quyền hạn.

Tiểu ban Phát triển bền vững

Thuộc Hội Đồng Quản Trị – Thực hiện theo Bảng phân công nhiệm vụ và quyền hạn.

Ban Kiểm Toán Nội bộ

Ban KTNB thực hiện các nhiệm vụ theo quy chế quản trị Công ty, Quy chế Kiểm toán nội bộ.

Hoạt Động Của Hội Đồng Quản Trị

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 08 phiên họp, bao gồm các phiên họp định kỳ hằng quý và các phiên họp bất thường theo các hình thức họp tập trung, họp trực tuyến và lấy ý kiến bằng văn bản.

Các cuộc họp của HĐQT được triệu tập và tổ chức theo lịch trình cụ thể, tài liệu được chuẩn bị đầy đủ, tuân thủ quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan. Nội dung các cuộc họp được ghi chép và lưu trữ theo quy định.

HĐQT đã thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của 01 ban và 04 tiểu ban trực thuộc HĐQT, gồm:

1. Ban Kiểm toán Nội bộ
2. Tiểu ban Chiến lược;
3. Tiểu ban Phát triển bền vững (ESG);
4. Tiểu ban Nhân sự – Lương thưởng;
5. Tiểu ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro.

Các tiểu ban đã tổ chức các cuộc họp và triển khai hoạt động nhằm xác định và phân công thực hiện các nhiệm vụ cụ thể theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Theo yêu cầu của Ban điều hành, thành viên độc lập HĐQT, đồng thời là thành viên Tiểu ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro, đã tham gia ý kiến, hướng dẫn các thủ tục pháp lý và hỗ trợ Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo lợi ích cao nhất của Công ty.

Các vấn đề liên quan đến chiến lược, kế hoạch kinh doanh, tài chính và xây dựng hệ thống quản lý trong Công ty đều được thảo luận tại các cuộc họp HĐQT. HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát và kịp thời điều chỉnh việc triển khai thực hiện thông qua hoạt động và báo cáo của các thành viên điều hành (Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc) và các chức danh quản lý khác.

Thành viên độc lập HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, thực hiện quyền biểu quyết và các nhiệm vụ của thành viên độc lập theo quy định tại Điều lệ Công ty, QCHĐQT và các quy định pháp luật có liên quan.

Đánh giá hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong năm

Các hoạt động của HĐQT trong năm 2025 đã tuân thủ các quy định tại Điều lệ Công ty, QCHĐQT và các quy định pháp luật liên quan đến quản trị công ty niêm yết. Thành viên độc lập HĐQT không phát hiện bất kỳ vi phạm nào có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của VFC.

Các thành viên HĐQT đã làm việc với tinh thần trách nhiệm, minh bạch và tuân thủ pháp luật. Nội dung các cuộc họp HĐQT được thảo luận và đánh giá đầy đủ, đảm bảo nguyên tắc cẩn trọng trong việc đưa ra các định hướng và giải pháp nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho Công ty.

Tất cả các thành viên HĐQT đã tuân thủ các quy định liên quan đến quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT trong việc tham gia các cuộc họp, lấy ý kiến, thảo luận và biểu quyết một cách độc lập vì lợi ích cao nhất của Công ty.

HĐQT đã nỗ lực và hoàn thành tốt vai trò hỗ trợ Ban điều hành VFC, góp phần giúp Công ty duy trì vị thế dẫn đầu thị trường đối với các sản phẩm, dịch vụ mà Công ty có thể mạnh, trong bối cảnh thị trường và các quy định pháp luật có nhiều thay đổi có khả năng tác động mạnh đến hoạt động của Công ty.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 đã phản ánh nỗ lực và hiệu quả hoạt động của HĐQT và Ban điều hành trong việc kịp thời điều chỉnh hệ thống tổ chức, triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo an toàn cho hệ thống phân phối, tuân thủ pháp luật, qua đó tạo tiền đề vững chắc để tiếp tục duy trì đà tăng trưởng và vị thế dẫn đầu thị trường trong các năm tiếp theo.

Tình hình tham dự các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị

STT	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch	04/08	100%	Miễn nhiệm ngày 25/04/2025
2	Trương Công Cứ	Chủ tịch	08/08	100%	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025
3	Trần Văn Dũng	Thành viên	08/08	100%	
4	Nguyễn Thị Trà My	Thành viên	04/08	100%	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025
5	Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên	08/08	100%	
6	Mai Tuấn Anh	Thành viên	08/08	100%	

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TT)

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

Trong năm 2025, các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị được tổ chức dưới hình thức họp trực tiếp kết hợp họp trực tuyến. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT /QĐ	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
1	02/2025/NQ-HĐQT	20/01/2025	Nghị quyết thông qua: BCTC Q4/2024	100%
2	04/2025/NQ-HĐQT	06/03/2025	Nghị quyết thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2025: - Thời gian dự kiến tổ chức: 25/04/2025 - Địa điểm tổ chức: Phòng họp Lầu 11, Tòa nhà VFC TOWER, 29 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP HCM - Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông 27/03/2025	100%
3	05/2025/NQ-HĐQT	06/03/2025	Nghị quyết thông qua: Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2024, Tỷ lệ 10% bằng tiền mặt, Ngày ĐKCC 19/03/2025 & Chi trả ngày 04/04/2025	100%
4	06/2025/NQ-HĐQT	03/04/2025	Nghị quyết thống nhất các tài liệu Trình Đại Hội cổ đông thường niên 2025	100%
5	09/2025/NQ-HĐQT	17/04/2025	Nghị quyết thông qua: Báo cáo Tài chính Quý 1/2025	100%
6	10/2025/NQ-HĐQT	25/04/2025	Nghị quyết: Thay đổi nhân sự: Miễn nhiệm và Bổ nhiệm Cán bộ Quản lý Và Điều hành Công ty	100%
7	11/2025/QĐ-HĐQT	25/04/2025	Quyết định: Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT Công ty	100%
8	13/2025/NQ-HĐQT	28/04/2025	Nghị quyết thông qua: Chi trả cổ tức đợt cuối năm 2024 Tỷ lệ 30% bằng tiền mặt, Ngày ĐKCC 16/05/2025 & Chi trả ngày 28/05/2025	100%

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT /QĐ	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
9	14/2025/NQ-HĐQT	29/04/2025	Nghị Quyết: Miễn nhiệm Phó Tổng Giám Đốc Phụ trách ngành Nông Dược và GCT	100%
10	19/2025/NQ-HĐQT	06/06/2025	Nghị quyết thông qua: Chọn đơn vị Kiểm toán- Để thực hiện soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính Công ty cổ phần Khử trùng Việt Nam năm 2025	100%
11	20/2025/NQ-HĐQT	30/06/2025	Nghị quyết thông qua: Bổ sung Giao dịch Bên liên quan 2025	100%
12	21/2025/NQ-HĐQT	18/07/2025	Nghị quyết thông qua: - Báo cáo tài chính Quý 2/2025 - Cải tiến sơ đồ tổ chức Công ty - Thành lập các Tiểu Ban trực thuộc Hội đồng quản trị - Đầu tư các Dự án phát triển sản phẩm hữu cơ và sinh học - Dự án chuyển đổi giai đoạn 2025-2026 - Ủy quyền Đại diện vốn góp của Công Ty tại CT TNHH Hải Yến - Tạm ứng cổ tức Đợt 1/2025 - Bổ sung giao dịch Bên liên quan 2025	100%
13	22/2025/NQ-HĐQT	18/07/2025	Nghị quyết thông qua: - Chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025 - Tỷ lệ chi trả, ngày ĐKCC và thời hạn chi trả.	100%
14	25/2025/QĐ-HĐQT	21/07/2025	Quyết định: Ủy quyền vốn góp của Công Ty tại Công Ty TNHH Hải Yến	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TT)

Nội dung và kết quả của các cuộc họp (tiếp theo)

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT /QĐ	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
15	26/2025/QĐ-HĐQT	21/07/2025	Quyết định: Thành lập Tiểu Ban Nhân sự- Lương thưởng thuộc HĐQT	100%
16	27/2025/QĐ-HĐQT	21/07/2025	Quyết định thông qua: Thành lập Tiểu ban Kiểm toán và Quản Trị Rủi ro thuộc HĐQT	100%
17	28/2025/QĐ-HĐQT	21/07/2025	Quyết định thông qua: Thành lập Tiểu ban Phát triển bền vững thuộc HĐQT	100%
18	29/2025/QĐ-HĐQT	21/07/2025	Quyết định thông qua: Thành lập Tiểu ban Chiến lược thuộc HĐQT	100%
19	32/2025/NQ-HĐQT	24/10/2025	Nghị quyết thông qua: - Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2025 - Quy chế hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT	100%
20	33/2025/QĐ-HĐQT	24/10/2025	Quyết định thông qua: Ban hành Quy chế hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT	100%
21	37/2025/NQ-HĐQT	15/12/2025	Quyết định thông qua: Ban hành Quy chế hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT	100%
22	38/2025/QĐ-HĐQT	15/12/2025	Quyết định thông qua: Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng xử lý nợ Tiểu ban thuộc HĐQT	100%
23	39/2025/QĐ-HĐQT	15/12/2025	Quyết định thông qua: Thành lập Hội đồng xử lý nợ Tiểu ban thuộc HĐQT	100%
24	40/2025/QĐ-HĐQT	15/12/2025	Quyết định thông qua: Bổ nhiệm Phó Tổng Giám Đốc	100%



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TT)

Về việc giám sát Tổng Giám đốc và Ban điều hành

HĐQT đã thực hiện tốt vai trò trong việc triển khai các kế hoạch, chủ trương và định hướng chiến lược do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên đề ra.

HĐQT đã triệu tập các cuộc họp và lấy ý kiến thành viên kịp thời nhằm chỉ đạo và ban hành các quyết định phù hợp với tình hình thực tế của thị trường, đồng thời giải quyết các vấn đề phát sinh để đảm bảo Công ty hoạt động ổn định, tuân thủ quy định của pháp luật.

HĐQT đã thực hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm trong việc chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát Ban điều hành thực hiện các nội dung, quyết định đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, hài hòa lợi ích của cổ đông và của Công ty.

Các thành viên HĐQT trực tiếp tham gia điều hành Công ty đã tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, cung cấp kịp thời và đầy đủ thông tin cần thiết để HĐQT thảo luận, phân tích và phản biện, qua đó đảm bảo các quyết định được đưa ra vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Các thành viên HĐQT nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm của mình trong việc hỗ trợ Ban điều hành, đồng thời chia sẻ kinh nghiệm và năng lực chuyên môn nhằm hỗ trợ Ban điều hành thực hiện hiệu quả các hoạt động quản trị Công ty.



Hoạt Động Của Các Ban/Tiểu Ban Thuộc Hội Đồng Quản Trị

Các ban/tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị gồm: Ban Kiểm toán nội bộ; Tiểu ban Nhân sự – Lương thưởng; Tiểu ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro; Tiểu ban Phát triển bền vững; và Tiểu ban Chiến lược. Các đơn vị này hoạt động theo Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế riêng của từng ban/tiểu ban và các quyết định có liên quan của Hội đồng quản trị.

Ban Kiểm Toán Nội Bộ

Ban Kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị thành lập, thực hiện chức năng giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị và chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc, các cấp quản lý. Đồng thời, Ban giám sát hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, thẩm tra các báo cáo tài chính trong kỳ và phối hợp với các bộ phận liên quan để thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Tiểu ban Chiến lược

Tiểu ban Chiến lược có nhiệm vụ xây dựng, cập nhật chiến lược trung và dài hạn; rà soát các kế hoạch chiến lược hằng năm của Ban Điều hành trước khi trình Hội đồng quản trị; đồng thời theo dõi tiến độ thực hiện chiến lược, nhận diện rủi ro chiến lược và đề xuất các định hướng đầu tư, phát triển thị trường, sản phẩm mới, liên doanh hoặc sáp nhập khi cần thiết.

Tiểu ban Phát triển bền vững

Tiểu ban Phát triển bền vững tham mưu cho Hội đồng quản trị về chiến lược ESG, các chính sách liên quan đến môi trường, sức khỏe, an toàn, trách nhiệm xã hội và đạo đức kinh doanh. Tiểu ban đồng thời theo dõi việc công bố thông tin ESG, phối hợp với Ban Điều hành thúc đẩy triển khai các chương trình phát triển bền vững, đánh giá tác động môi trường – xã hội của các dự án lớn và đề xuất các chỉ tiêu ESG phục vụ công tác quản trị, điều hành và báo cáo cổ đông.

Tiểu Ban Nhân sự – Lương thưởng

Tiểu ban Nhân sự – Lương thưởng tham mưu cho Hội đồng quản trị về chiến lược nhân sự cấp cao, cơ cấu tổ chức, kế hoạch kế thừa và phát triển đội ngũ quản lý. Đồng thời, tiểu ban xem xét, đề xuất việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, tái bổ nhiệm các chức danh điều hành chủ chốt; tham mưu chính sách lương, thưởng, phúc lợi, thù lao và các chế độ đãi ngộ; xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc và phối hợp đánh giá định kỳ đối với đội ngũ quản lý cấp cao.

Tiểu ban Kiểm toán và Quản trị Rủi ro

Tiểu ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro có nhiệm vụ giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ; thẩm tra báo cáo tài chính; đồng thời tham mưu xây dựng chiến lược, chính sách và cơ chế cảnh báo rủi ro. Tiểu ban cũng đánh giá hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ, đề xuất biện pháp quản trị phù hợp đối với các rủi ro tài chính, thuế và vận hành, đồng thời theo dõi tiến độ khắc phục các vấn đề phát sinh.

BAN KIỂM SOÁT

Thành Viên Và Cơ Cấu Của Ban Kiểm Soát

Tính tại ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ CP sở hữu	Ngày bắt đầu/ Không còn TVBKS
1	Võ Văn Quốc	Trưởng BKS	0	0,00%	Miễn nhiệm 25/04/2025
2	Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng BKS	0	0,00%	Bổ nhiệm 25/04/2025
3	Phan Thị Bích Lan	Thành viên BKS	0	0,00%	Miễn nhiệm 25/04/2025
4	Bùi Quang Anh	Thành viên BKS	0	0,00%	Bổ nhiệm 25/04/2025
5	Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên BKS	0	0,00%	Bổ nhiệm 25/04/2025

Danh sách thành viên Ban kiểm soát đương nhiệm



Ông Nguyễn Anh Tuấn – Trưởng Ban kiểm soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: Ông Nguyễn Anh Tuấn không sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và không nắm giữ các chứng khoán khác do Công ty phát hành.

Thông tin liên quan: Ông Nguyễn Anh Tuấn hiện là Giám đốc Tài chính của Công ty Cổ phần PAN FARM, là cổ đông lớn của Công ty, hiện nắm giữ 21.379.191 cổ phần, tương đương 51,25% vốn điều lệ.



Ông Bùi Quang Anh – TV Ban kiểm soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: 0 cổ phần.



Ông Huỳnh Anh Tuấn – TV Ban Kiểm Soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: 0 cổ phần.

Hoạt Động Của Ban Kiểm Soát

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm Soát đối với Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành

Ban Kiểm soát thực hiện các hoạt động giám sát chủ yếu gồm: (i) giám sát việc tuân thủ pháp luật và Điều lệ Công ty; (ii) giám sát hoạt động quản trị của Hội đồng quản trị, công tác điều hành của Ban Điều hành và tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính trong kỳ; (iii) thẩm tra báo cáo tài chính, đồng thời đánh giá công tác tài chính – kế toán và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Sự phối hợp giữa Ban Kiểm Soát với Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát được Hội đồng quản trị và Ban Điều hành tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định. Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến các nghị quyết, quyết định quản trị, báo cáo tài chính quý và năm, cũng như các vấn đề trọng yếu trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty.

Ban Kiểm soát duy trì cơ chế phối hợp thường xuyên với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các phòng ban chức năng để kịp thời nắm bắt thông tin, tham gia ý kiến và thực hiện công tác giám sát. Đồng thời, Ban Kiểm soát vẫn bảo đảm tính độc lập trong hoạt động, đặc biệt trong giám sát lĩnh vực tài chính – kế toán. Trong năm, Ban Kiểm soát đã làm việc với Ban Điều hành và Phòng Tài chính – Kế toán về tổ chức hệ thống kế toán, vận hành phần mềm kế toán và một số khoản mục tài chính trọng yếu.

Số lượng các cuộc họp Ban Kiểm Soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Võ Văn Quốc	Trưởng BKS	01/01	100%	Miễn nhiệm ngày 25/04/2025
2	Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng BKS	04/04	100%	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025
3	Phan Thị Bích Lan	Thành viên BKS	01/01	100%	Miễn nhiệm ngày 25/04/2025
4	Bùi Quang Anh	Thành viên BKS	03/03	100%	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025
5	Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên BKS	03/03	100%	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025

BAN KIỂM SOÁT (TT)

Hoạt Động Của Ban Kiểm Soát (tiếp theo)

Nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Ban kiểm soát đã tổ chức và tham gia 4 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Biên bản	Ngày	Nội dung
1	01/2025/BB-BKS	04/03/2025	Các vấn đề trong cuộc họp HĐQT- NQ thông qua kế hoạch tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và các nội dung khác trong cuộc họp
2	02/2025/BB-BKS	25/04/2025	Cuộc họp đầu tiên của BKS mới khi kết thúc ĐHCĐTN 2025- Các vấn đề theo thẩm quyền của BKS và các nội dung khác trong cuộc họp
3	03/2025/BB-BKS	18/07/2025	Các vấn đề trong cuộc họp HĐQT- Xem xét dự thảo BCTC quý 2 và 6 tháng đầu năm 2025 và các nội dung khác trong cuộc họp
4	04/2025/BB-BKS	16/10/2025	Các vấn đề trong cuộc họp HĐQT - Nghị quyết thông qua các nội dung cuộc họp ngày 18/07/2025 và các xem xét Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý 3/2025; Quy chế hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT

BAN ĐIỀU HÀNH

Biến Động Thành Viên Ban Điều Hành Trong Năm 2025

STT	Thành viên ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
1	Ông Trương Công Cứ – Tổng Giám Đốc	11/12/1955	Kỹ sư	Miễn nhiệm từ 26/04/2025
2	Bà Nguyễn Bạch Tuyết – Phó Tổng Giám Đốc	10/11/1942	Kỹ sư	Miễn nhiệm từ 29/04/2025
3	Ông Trần Văn Dũng – Tổng Giám Đốc	30/12/1975	Cử nhân kinh tế	Bổ nhiệm ngày 26/04/2025
4	Ông Đào Xuân Trọng – Phó Tổng Giám Đốc	13/07/1972	Kỹ sư	Bổ nhiệm ngày 23/04/2023
5	Ông Nguyễn Phước Tâm – Phó Tổng Giám Đốc	10/06/1982	Cử nhân kinh tế	Bổ nhiệm ngày 15/12/2025

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, Thưởng, Thù Lao, Các Khoản Lợi Ích

Thu nhập, thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	2025 (VNĐ)
1	Ông Trương Công Cứ	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	1.195.060.959
2	Ông Trần Văn Dũng	Thành viên HĐQT	1.195.060.959
3	Ông Mai Tuấn Anh	Thành viên độc lập	1.195.060.959
4	Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên HĐQT	1.195.060.959
5	Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2025)	1.303.567.056
			6.083.810.892

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (TT)

Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	2025 (VNĐ)
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	227.000.000
2	Ông Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	80.000.000
3	Ông Bùi Quang Anh	Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	80.000.000
4	Ông Võ Văn Quốc	Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	148.000.000
5	Bà Phan Thị Bích Lan	Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	67.000.000
			602.000.000

Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

STT	Họ và tên	Chức vụ	2025 (VNĐ)
1	Ông Trương Công Cứ	Người đại diện pháp luật	7.440.550.700
2	Ông Trần Văn Dũng	Tổng Giám Đốc	6.348.485.601
3	Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Phó Tổng Giám Đốc (miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2025)	4.819.968.300
4	Ông Đào Xuân Trọng	Phó Tổng Giám Đốc	3.077.978.000
5	Ông Nguyễn Phước Tâm	Phó Tổng Giám Đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2025)	160.000.000
6	Bà Phạm Thị Ngọc Phương	Kế toán trưởng	2.367.563.600
			24.214.546.901

Giao Dịch Cổ Phiếu Của Người Nội Bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Văn Kiên – Thư ký/ Người Quản trị Công ty		8.007	0.019%	12.007	0.029%	Mua tăng sở hữu

Hợp Đồng Hoạch Giao Dịch Với Người Nội Bộ

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

Các giao dịch của Công ty và người có liên quan của Công ty; giữa Công ty với Cổ đông lớn; người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ đã được Hội Đồng Quản Trị Công ty thông qua tại Nghị quyết số 26/2024/NQ-Hội Đồng Quản Trị, Nghị quyết 20/2025/NQ-Hội Đồng Quản Trị và Nghị quyết 21/2025/NQ-Hội Đồng Quản Trị. Các giao dịch thực hiện trong kỳ bao gồm:

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Nội dung, giao dịch	Giá trị giao dịch (VNĐ)
1	Công Ty TNHH Hải Yến	Công ty con sở hữu trực tiếp	4200586780- Cấp ngày 13/12/2004 - Tại Sở KH & ĐT Tỉnh Khánh Hòa	50 Trần Phú Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Khánh Hòa	Năm 2025	VFC làm dịch vụ, bán vật tư, hàng hóa	162.474.074
2	CTCP Giống Cây Trồng Việt Nam	Tổ chức có liên quan Người nội bộ	0101449271- Cấp ngày 6/2/2004 Tại Sở KH & ĐT Hà Nội	Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội, Việt Nam	Năm 2025	VFC làm dịch vụ, bán vật tư, hàng hóa	999.460.144
3	Công Ty Cổ Phần Pan Farm	Tổ chức có liên quan Người nội bộ	0107519768- Cấp ngày 28/07/2016 Tại Sở KH & ĐT Hà Nội	Tầng 15, Tòa nhà Icon4, 243A Đê La Thành, Phường Láng, TP Hà Nội	Năm 2025	VFC chi trả cổ tức đợt 2 & đợt cuối năm 2024	106.895.955.000

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (TT)

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Nội dung, giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
4	Công Ty Cổ Phần Pan Farm	Tổ chức có liên quan Người nội bộ	0107519768- Cấp ngày 28/07/2016 Tại Sở KH & ĐT Hà Nội	Tầng 15, Tòa nhà Icon4, 243A Đê La Thành, Phường Láng, TP Hà Nội	Năm 2025	VFC làm dịch vụ, bán vật tư, hàng hóa	2.200.000
5	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn PAN	Tổ chức có liên quan Người nội bộ	0301472704 ngày 31/08/2005 Tại Sở KH & ĐT Long An	Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp,Bến Lức, Long An	Năm 2025	VFC cho vay	350.000.000.000
6	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn PAN	Tổ chức có liên quan Người nội bộ	0301472704 ngày 31/08/2005 Tại Sở KH & ĐT Long An	81B Quốc Lộ 62, Phường Long An, Tỉnh Tây Ninh	Năm 2025	VFC nhận lại khoản cho vay	350.000.000.000
7	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn PAN	Tổ chức có liên quan Người nội bộ	0301472704 ngày 31/08/2005 Tại Sở KH & ĐT Long An	81B Quốc Lộ 62, Phường Long An, Tỉnh Tây Ninh	Năm 2025	VFC ghi nhận lãi vay	19.117.808.219
8	Công Ty Cp Giống Cây Trồng Miền Nam	Tổ chức có liên quan	4103001067- Cấp ngày 24/06/2002- Tại Sở KH & ĐT TP HCM	282 Lê Văn Sỹ, Phường Tân Sơn, Tp.HCM	Năm 2025	VFC làm dịch vụ, bán vật tư, hàng hóa	1.063.290.000
9	Công Ty Cp Thực Phẩm An Khang	Tổ chức có liên quan	2200780985- Cấp ngày 19/08/2020 Tại Sở KH & ĐT Tỉnh Sóc Trăng	Lô B, KCN An Nghiệp, Xã An Ninh, TP Cần Thơ	Năm 2025	VFC làm dịch vụ, bán vật tư, hàng hóa	8.000.000
10	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Sinh Học Mùa Xuân	Tổ chức có liên quan	0106518955/ Cấp ngày 24/04/2014/ Tại Sở KH & ĐT HÀ NỘI	Tầng 8 Tòa nhà ELCOM, Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, TP Hà Nội	Năm 2025	VFC làm dịch vụ, bán vật tư, hàng hóa	66.405.000
11	Công Ty TNHH Hải Yến	Công ty con sở hữu trực tiếp	4200586780- Cấp ngày 13/12/2004 - Tại Sở KH & ĐT Tỉnh Khánh Hòa	50 Trần Phú Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, KH	Năm 2025	VFC nhận cổ tức	8.000.000.000

Giao dịch giữa người nội bộ Công ty, người có liên quan của người nội bộ với Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát.

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Quan hệ với Công ty	Giấy chứng nhận SHS/ Ngày cấp/ Nơi cấp	Trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/	Giá trị giao dịch (VND)
1	CTy CP Tập đoàn PAN -CTy Phân phối hàng tiêu dùng PAN	Tổ chức có liên quan Người nội bộ	0301472704 ngày 31/08/2005 Tại Sở KH & ĐT Long An	Lô A1/1-9 Đường VL 3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh	Năm 2025	VFC chi trả phí dịch vụ, mua hàng hóa	3.855.179.786
2	Công ty TNHH MTV Bibica Hà Nội	Tổ chức có liên quan	0108090231- Cấp ngày 11/12/2017 Tại Sở KH & ĐT Hà Nội	B18, Đường Công nghiệp 06, Khu công nghiệp Sài Đồng B, Phường Sài Đồng, Hà Nội	Năm 2025	VFC làm dịch vụ, bán vật tư, hàng hóa	42.400.000
3	Công ty TNHH MTV Bibica Miền Tây	Tổ chức có liên quan	1101883032	Lô A1/1-3, Đường VL4, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Bến Lức, Long An	Năm 2025	VFC làm dịch vụ, bán vật tư, hàng hóa	402.591.000
4	Công ty cổ phần Bibica	Tổ chức có liên quan	3600363970	443 Lý Thường Kiệt, Phường Tân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Năm 2025	VFC làm dịch vụ, bán vật tư, hàng hóa	73.307.200
5	Công Ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	Tổ chức có liên quan	1402133347 -Cấp ngày 01/11/2019Tại Sở KH & ĐT Đồng Tháp	Cụm công nghiệp Trường Xuân, Xã Trường Xuân, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Năm 2025	VFC làm dịch vụ, bán vật tư, hàng hóa	1.208.910.000
6	C.Ty Cp Chế Biến Hàng Xuất Khẩu Long An	Tổ chức có liên quan	1100107301 ngày 01/01/2000 Tại Sở KH & ĐT Long An	Số 81 B, Quốc lộ 62, Phường Long An, Tỉnh Tây Ninh	Năm 2025	VFC làm dịch vụ, bán vật tư, hàng hóa	654.196.500
7	Công Ty Cổ Phần Thủy Sản 584 Nha Trang	Tổ chức có liên quan	4200636551- Cấp ngày 02/03/2006 - Tại Sở KH & ĐT Tỉnh Khánh Hòa	1210 Lê Hồng Phong, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Năm 2025	VFC làm dịch vụ, bán vật tư, hàng hóa	81.425.926
8	Công Ty Cổ Phần Thủy Sản 584 Nha Trang	Tổ chức có liên quan	4200636551- Cấp ngày 02/03/2006 - Tại Sở KH & ĐT Tỉnh Khánh Hòa	584 Lê Hồng Phong P.Nam Nha Trang, Khánh Hòa	Năm 2025	VFC mua hàng hóa	21.654.007

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (TT)

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Quan hệ với Công ty	Giấy chứng nhận SHS/ Ngày cấp/ Nơi cấp	Trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/	Giá trị giao dịch (VND)
9	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre	Tổ chức có liên quan	1300376365/ Tại Sở KH & ĐT Tỉnh Vĩnh Long	Ấp 9, Xã Phú Túc, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	Năm 2025	VFC làm dịch vụ, bán vật tư, hàng hóa	19.600.000
10	Công Ty Cổ Phần Cà Phê Golden Beans	Tổ chức có liên quan	0314681060- Cấp ngày 16/10/2017- Tại Sở KH & ĐT TP HCM	497/23 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh	Năm 2025	VFC làm dịch vụ, bán vật tư, hàng hóa	366.000
11	Công Ty Cổ Phần Cà Phê Golden Beans	Tổ chức có liên quan	0314681060- Cấp ngày 16/10/2017- Tại Sở KH & ĐT TP HCM	27 Lưu Văn Lang, Phường Bến Thành,Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Năm 2025	VFC mua hàng hóa	4.166.665
12	Công Ty TNHH Đầu Tư Và Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Việt Nam	Tổ chức có liên quan	1402184380 / Cấp ngày 18/01/2023 / Tại Sở KH & ĐT Đồng Tháp	Cụm công nghiệp Trường Xuân, Xã Trường Xuân, Tỉnh Đồng Tháp	Năm 2025	VFC làm dịch vụ, bán vật tư, hàng hóa	184.183.500
13	Công Ty TNHH Đầu Tư Và Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Việt Nam	Tổ chức có liên quan	1402184380 / Cấp ngày 18/01/2023 / Tại Sở KH & ĐT Đồng Tháp	Cụm công nghiệp Trường Xuân, Xã Trường Xuân, Tỉnh Đồng Tháp	Năm 2025	VFC mua dịch vụ, bán vật tư, hàng hóa	211.085.000
14	Công Ty Cp Thủy Sản 584 Cà Ná	Tổ chức có liên quan	4500634227 Cấp ngày 21/08/2019 - do Sở KH&ĐT Ninh Thuận cấp	Cảng cá Cà Ná mở rộng, thôn Lạc Nghiệp 1, Xã Cà Ná, Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận	Năm 2025	VFC làm dịch vụ, bán vật tư, hàng hóa	14.100.000
15	Công Ty Cổ Phần Giống Cây Trồng Trung Ương Quảng Nam	Tổ chức có liên quan	4000107543// Tại Sở KH&ĐT Quảng Nam	KM 943 QL1A, Điện Thắng Bắc, Điện Bàn, Quảng Nam	Năm 2025	VFC làm dịch vụ, bán vật tư, hàng hóa	256.058.000
16	Công Ty TNHH Hải Yến	Công ty con sở hữu trực tiếp	4200586780- Cấp ngày 13/12/2004 - Tại Sở KH & ĐT Tỉnh Khánh Hòa	50 Trần Phú Phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Khánh Hòa	Năm 2025	VFC mua dịch vụ, hàng hóa	1.510.628.947

Đánh Giá Việc Thực Hiện Các Quy Định Về Quản Trị Công Ty

Công ty cam kết duy trì hệ thống quản trị doanh nghiệp minh bạch và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp lý, điều lệ Công ty và quy chế nội bộ, nhằm đảm bảo các hoạt động diễn ra hiệu quả và nhanh chóng. Mục tiêu chính là tối đa hóa giá trị cho cổ đông và doanh nghiệp, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát và tối ưu hóa sử dụng các nguồn lực. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng nâng cao trình độ quản trị cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu từ các cơ quan quản lý nhà nước và các khóa học nội bộ. Các sáng kiến này không chỉ giúp cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh và giảm chi phí sử dụng vốn mà còn củng cố niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư vào khả năng phát triển bền vững của Công ty.



Chương 06

Báo cáo Tài chính

6.1	Báo cáo của ban Tổng giám đốc	102
6.2	Báo cáo kiểm toán độc lập	105
6.3	Bảng cân đối kế toán hợp nhất	108
6.4	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	112
6.5	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	114
6.6	Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	117

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Hội đồng quản trị, ban tổng giám đốc và ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Công Cứ	Chủ tịch (thành viên được bổ nhiệm thay thế từ ngày 25 tháng 4 năm 2025)
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch (miễn nhiệm từ ngày 25 tháng 4 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 25 tháng 4 năm 2025)
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên
Ông Trần Văn Dũng	Thành viên
Ông Mai Tuấn Anh	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Văn Dũng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 25 tháng 4 năm 2025)
	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 25 tháng 4 năm 2025)
Ông Trương Công Cứ	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 25 tháng 4 năm 2025)
	Người đại diện pháp luật
Ông Đào Xuân Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phước Tâm	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 15 tháng 12 năm 2025)
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 29 tháng 4 năm 2025)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng ban (thành viên được bổ nhiệm thay thế từ ngày 25 tháng 4 năm 2025)
Ông Võ Văn Quốc	Trưởng ban (miễn nhiệm từ ngày 25 tháng 4 năm 2025)
Ông Bùi Quang Anh	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 25 tháng 4 năm 2025)
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 25 tháng 4 năm 2025)
Bà Phan Thị Bích Lan	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 25 tháng 4 năm 2025)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TT)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Văn Dũng
Tổng Giám đốc

(Theo Giấy Ủy quyền số 138/2025/GUQ-TGD
ngày 15 tháng 5 năm 2025)

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) và công ty con, được lập ngày 20 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

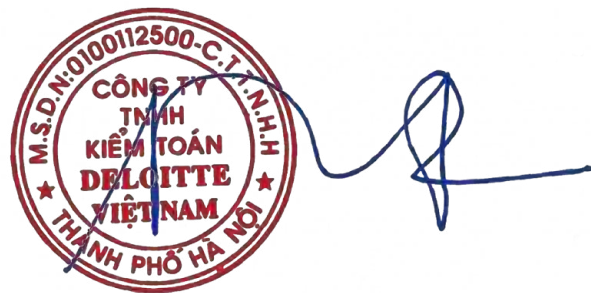
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TT)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Tuấn Linh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3001-2024-001-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 20 tháng 3 năm 2026
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Hoàng Lê Thu Phương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5603-2025-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.149.025.236.955	2.206.932.220.207
I.	Tiền	110	5	653.313.311.764	800.792.811.413
1.	Tiền	111		653.313.311.764	800.792.811.413
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		87.814.956.000	83.314.956.000
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	87.814.956.000	83.314.956.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		544.631.761.862	368.791.738.799
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	544.338.135.994	365.301.709.561
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.679.365.052	5.416.006.740
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	8	7.747.065.613	16.364.154.364
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(13.132.804.797)	(18.290.131.866)
IV.	Hàng tồn kho	140	10	860.073.634.753	945.932.893.417
1.	Hàng tồn kho	141		862.963.721.886	952.249.038.773
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.890.087.133)	(6.316.145.356)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		3.191.572.576	8.099.820.578
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	2.851.817.698	2.370.555.933
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		339.754.878	5.729.264.645

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		270.878.712.649	288.845.371.852
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		2.535.259.921	1.999.800.226
1.	Phải thu dài hạn khác	216	8	2.535.259.921	1.999.800.226
II.	Tài sản cố định	220		231.598.020.544	250.192.646.762
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	12	179.553.135.848	196.548.152.050
	- Nguyên giá	222		538.506.362.773	543.311.568.740
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(358.953.226.925)	(346.763.416.690)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	13	52.044.884.696	53.644.494.712
	- Nguyên giá	228		72.901.484.048	72.471.884.048
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20.856.599.352)	(18.827.389.336)
III.	Bất động sản đầu tư	230	14	13.341.432.967	14.101.438.213
	- Nguyên giá	231		27.647.980.011	27.647.980.011
	- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(14.306.547.044)	(13.546.541.798)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		3.869.264.303	-
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.869.264.303	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		19.534.734.914	22.551.486.651
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	11	9.534.734.914	9.712.223.493
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	10.000.000.000	12.839.263.158
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		270		2.419.903.949.604	2.495.777.592.059

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		705.168.526.211	889.901.239.485
I.	Nợ ngắn hạn	310		689.408.803.914	873.604.178.729
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	252.162.513.743	120.984.536.382
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		14.227.336.834	10.372.368.474
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	70.912.304.126	58.494.632.978
4.	Phải trả người lao động	314		145.365.295.819	259.886.156.341
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	31.497.429.057	151.116.822.850
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		366.495.360	2.198.972.160
7.	Phải trả ngắn hạn khác	319	19	21.525.764.428	21.735.306.982
8.	Vay ngắn hạn	320	21	87.449.061.000	172.385.892.579
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	65.902.603.547	76.429.489.983
II.	Nợ dài hạn	330		15.759.722.297	16.297.060.756
1.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	366.495.360
2.	Phải trả dài hạn khác	337	19	1.518.582.885	611.685.770
3.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	15	14.241.139.412	15.318.879.626

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.714.735.423.393	1.605.876.352.574
I.	Vốn chủ sở hữu	410	22	1.714.735.423.393	1.605.876.352.574
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		417.146.140.000	417.146.140.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		417.146.140.000	417.146.140.000
2.	Cổ phiếu quỹ	415		(20.000.000)	(20.000.000)
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418		215.462.343.942	214.069.992.205
4.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		24.346.814.721	21.974.704.575
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.006.276.590.520	901.389.019.075
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		727.024.269.535	520.001.103.559
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		279.252.320.985	381.387.915.516
6.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		51.523.534.210	51.316.496.719
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		440		2.419.903.949.604	2.495.777.592.059

Phạm Thị Ngọc Phương
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Trần Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	3.669.930.480.043	3.807.316.034.483
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	139.714.279.889	310.054.611.652
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và	10	25	3.530.216.200.154	3.497.261.422.831
4.	cung cấp dịch vụ (10=01-02)	11	26	2.675.580.214.948	2.588.448.219.426
5.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20		854.635.985.206	908.813.203.405
6.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	21	28	63.644.322.182	128.124.769.892
7.	Chi phí tài chính	22	29	42.219.230.049	107.001.714.039
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.927.441.860	6.103.281.091
8.	Phần lãi trong công ty liên doanh	24		-	168.701.347.473
9.	Chi phí bán hàng	25	30	336.755.575.922	439.033.274.534
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	104.030.874.037	91.177.951.491
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		435.274.627.380	568.426.380.706
12.	Thu nhập khác	31		5.318.472.834	7.529.415.698
13.	Chi phí khác	32		6.105.986.788	5.419.830.244
14.	(Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(787.513.954)	2.109.585.454
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		434.487.113.426	570.535.966.160

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	90.830.749.547	87.217.925.327
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	31	1.761.522.945	12.047.434.600
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		341.894.840.934	471.270.606.233
	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		337.129.053.469	470.136.174.448
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4.765.787.465	1.134.431.785
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	7.695	10.116



Phạm Thị Ngọc Phương
Người lập biểu/Kế toán trưởng

Trần Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	434.487.113.426	570.535.966.160
2.	Điều chỉnh cho các khoản:			
	Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	02	27.495.333.528	22.854.888.683
	Các khoản dự phòng	03	(8.583.385.292)	(9.226.375.805)
	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(87.652.061)	336.626.680
	(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(33.332.728.990)	(202.025.761.934)
	Chi phí lãi vay	06	3.927.441.860	6.103.281.091
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	423.906.122.471	388.578.624.875
	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(165.828.645.922)	340.070.244.065
	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	89.285.316.887	128.002.966.099
	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(101.345.245.316)	(591.112.290.501)
	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(303.773.186)	3.189.031.905
	Tiền lãi vay đã trả	14	(4.232.825.408)	(7.505.795.379)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(82.212.679.332)	(81.649.327.678)
	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.396.030.000	442.350.000

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(32.394.538.854)	(29.178.305.343)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	128.269.761.340	150.837.498.043
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(9.609.022.967)	(19.106.815.882)
2.	Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.061.178.612	4.105.133.636
3.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(493.000.000.000)	(466.526.900.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	488.500.000.000	1.324.000.000.000
5.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	30.271.550.378	42.079.669.129
6.	Tiền thu từ công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh		-	11.950.960.399
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	19.223.706.023	896.502.047.282

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TT)

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.	Tiền thu từ đi vay	33	94.932.061.000	177.844.152.579
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(179.868.892.579)	(379.195.657.248)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(210.049.705.000)	(175.093.830.955)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(294.986.536.579)	(376.445.335.624)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(147.493.069.216)	670.894.209.701
	Tiền đầu năm	60	800.792.811.413	129.881.543.766
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	13.569.567	17.057.946
	Tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	653.313.311.764	800.792.811.413



Phạm Thị Ngọc Phương
Người lập biểu/Kế toán trưởng

Trần Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Vào ngày 03 tháng 5 năm 2001, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 70/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302327629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ 32 (lần gần nhất) ngày 31 tháng 7 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã giao dịch là VFG theo Quyết định số 157/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 11 tháng 12 năm 2009.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (trước đây là Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam) và Nhà máy được đặt tại Lô B, Số 107, Khu công nghiệp Thái Hòa, Ấp Tân Hòa, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam (trước đây là tại Lô B, Số 107, Khu công nghiệp Thái Hòa, Ấp Tân Lập, Xã Đức Lập, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam).

Tổng số nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.445 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.539 người).

Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ thuốc khử trùng, nông được; cung cấp dịch vụ liên quan đến khử trùng và dịch vụ cho thuê văn phòng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 1 công ty con và 8 chi nhánh (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: Công ty có 1 công ty liên doanh và 8 chi nhánh).

Thông tin về công ty con như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm		Hoạt động chính
		Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
Công ty TNHH Hải Yến	Khánh Hòa	66,67	66,67	66,67	66,67	Cung cấp dịch vụ khách sạn, nhà hàng

Thông tin về các chi nhánh phụ thuộc như sau:

STT	Tên	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại phía Bắc	Hà Nội
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Quy Nhơn	Gia Lai (trước đây là Quy Nhơn)
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Nha Trang	Nha Trang
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh
6	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam - chi nhánh Nam Sông Hậu	Cần Thơ
7	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam - chi nhánh Bắc Sông Hậu	An Giang
8	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam - chi nhánh Đức Hòa Long An	Tây Ninh (trước đây là Long An)

Hoạt động kinh doanh chính của các chi nhánh là cung cấp dịch vụ khử trùng, diệt sinh vật gây hại nông lâm sản và các vật thể khác.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của công ty con của Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước),
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200, và
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hằng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty và công ty con có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty và công ty con được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

- Đối với hàng hóa, nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ: giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.
- Đối với chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang và thành phẩm: giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	03 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05
Khác	03 - 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong năm khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Quyền sử dụng đất	20 - 50
Phần mềm máy tính	03 - 05

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn, do đó, không trích khấu hao; và
- Nhà cửa, vật kiến trúc được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 17 đến 25 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, bao gồm tiền thuê văn phòng, phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa và bảo trì, công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng và phí bảo hiểm thể hiện số tiền thuê văn phòng và phí bảo hiểm đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng và phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê và thời gian được bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Chi phí sửa chữa và bảo trì, công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều niên độ kế toán cho dịch vụ chưa được cung cấp hoặc chuyển giao. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi, tiền cho vay và lãi từ các khoản đầu tư

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm báo cáo nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty và công ty con căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền mặt	512.860.868	1.252.039.616
Tiền gửi ngân hàng	652.800.450.896	799.347.622.398
Tiền đang chuyển	-	193.149.399
	653.313.311.764	800.792.811.413

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	87.814.956.000	87.814.956.000	83.314.956.000	83.314.956.000
	87.814.956.000	87.814.956.000	83.314.956.000	83.314.956.000

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,2%/năm đến 5,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 4,2%/năm đến 5%/năm). Các khoản tiền gửi với giá trị là 814.956.000 VND đã được Công ty sử dụng để đảm bảo cho các bảo lãnh đấu thầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 không có đối tượng nào có số dư chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng. Chi tiết phải thu ngắn hạn của khách hàng theo nhóm khách hàng như sau:

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải thu khách hàng nông được	464.007.201.961	282.751.388.352
Phải thu khách hàng Pestman	43.633.028.247	45.610.186.454
Phải thu khách hàng dịch vụ khử trùng	35.484.387.635	35.616.713.882
Khác	1.213.518.151	1.323.420.873
	544.338.135.994	365.301.709.561
Trong đó: Phải thu ngắn hạn khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 33)	300.044.760	272.231.592

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên	3.704.448.947	3.290.038.344
Ký quỹ, ký cược	262.305.600	429.816.713
Phải thu chi hộ thuế thu nhập cá nhân	-	7.464.704.099
Phải thu khác	3.780.311.066	5.179.595.208
	7.747.065.613	16.364.154.364
b. Dài hạn		
Ký quỹ	2.535.259.921	1.999.800.226
	2.535.259.921	1.999.800.226

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

9. NỢ QUÁ HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, chi tiết nợ quá hạn theo nhóm khách hàng như sau:

	Số cuối năm (VND)			Số đầu năm (VND)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Phải thu khách hàng nông dược	24.307.887.046	13.414.618.582	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	24.841.080.193	8.593.452.251	Từ 6 tháng đến trên 3 năm
Phải thu khách hàng Pestman	2.825.994.882	1.158.432.952	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	3.474.140.202	1.808.441.341	Từ 6 tháng đến trên 3 năm
Phải thu khách hàng dịch vụ khử trùng	910.135.970	338.161.567	Từ 6 tháng đến 3 năm	787.916.110	411.111.047	Từ 6 tháng đến 2 năm
	28.044.017.898	14.911.213.101		29.103.136.505	10.813.004.639	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	13.132.804.797			18.290.131.866		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	11.868.144.075	-	12.751.865.325	-
Nguyên liệu, vật liệu	197.783.865.740	-	176.041.080.287	-
Công cụ, dụng cụ	2.952.476.341	-	3.307.210.780	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.849.994.829	-	7.853.966.955	-
Thành phẩm	43.116.751.476	(5.100.740)	63.849.332.415	(5.644.282.076)
Hàng hoá	601.392.489.425	(2.884.986.393)	688.445.583.011	(671.863.280)
	862.963.721.886	(2.890.087.133)	952.249.038.773	(6.316.145.356)

Chi tiết thay đổi dự phòng hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Số dư đầu năm	6.316.145.356	16.461.183.252
Dự phòng trích lập trong năm	2.282.639.013	1.975.074.946
(Hoàn nhập) dự phòng trong năm	(5.708.697.236)	(12.120.112.842)
Số dư cuối năm	2.890.087.133	6.316.145.356

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	1.183.500.002	1.342.841.833
Chi phí sửa chữa và bảo trì	438.426.597	446.616.514
Phí bảo hiểm	223.335.123	404.078.768
Thuê văn phòng	1.006.555.976	177.018.818
	2.851.817.698	2.370.555.933
b. Dài hạn		
Chi phí cải tạo văn phòng	4.103.244.323	3.748.880.700
Công cụ, dụng cụ	3.659.564.011	4.488.378.677
Khác	1.771.926.580	1.474.964.116
	9.534.734.914	9.712.223.493

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc (VND)	Máy móc và thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải (VND)	Thiết bị quản lý (VND)	Khác (VND)	Tổng (VND)
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	335.905.513.521	32.714.631.354	156.215.917.228	7.402.299.301	11.073.207.336	543.311.568.740
Tăng trong năm	-	547.180.000	6.549.424.064	614.498.000	-	7.711.102.064
Thanh lý	-	(1.040.747.736)	(10.851.158.295)	(624.402.000)	-	(12.516.308.031)
Phân loại lại	-	(225.552.000)	-	-	225.552.000	-
Số dư cuối năm	335.905.513.521	31.995.511.618	151.914.182.997	7.392.395.301	11.298.759.336	538.506.362.773
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	176.866.584.988	26.366.273.744	126.883.307.303	6.076.734.336	10.570.516.319	346.763.416.690
Khấu hao trong năm	13.586.129.029	1.762.991.605	8.015.413.017	960.300.809	381.283.806	24.706.118.266
Thanh lý	-	(1.040.747.736)	(10.851.158.295)	(624.402.000)	-	(12.516.308.031)
Phân loại lại	-	(55.746.663)	-	-	55.746.663	-
Số dư cuối năm	190.452.714.017	27.032.770.950	124.047.562.025	6.412.633.145	11.007.546.788	358.953.226.925
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	159.038.928.533	6.348.357.610	29.332.609.925	1.325.564.965	502.691.017	196.548.152.050
Tại ngày cuối năm	145.452.799.504	4.962.740.668	27.866.620.972	979.762.156	291.212.548	179.553.135.848

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 242.862.998.875 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 245.227.606.023 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (VND)	Phần mềm máy tính (VND)	Tổng (VND)
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	65.750.630.035	6.721.254.013	72.471.884.048
Tăng trong năm	-	429.600.000	429.600.000
Số dư cuối năm	65.750.630.035	7.150.854.013	72.901.484.048
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	13.055.005.968	5.772.383.368	18.827.389.336
Khấu hao trong năm	1.375.634.202	653.575.814	2.029.210.016
Số dư cuối năm	14.430.640.170	6.425.959.182	20.856.599.352
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	52.695.624.067	948.870.645	53.644.494.712
Tại ngày cuối năm	51.319.989.865	724.894.831	52.044.884.696

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 6.010.479.957 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4.547.940.457 VND).

14. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Quyền sử dụng đất (VND)	Phần mềm máy tính (VND)	Tổng (VND)
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	8.092.241.500	19.555.738.511	27.647.980.011
Số dư cuối năm	8.092.241.500	19.555.738.511	27.647.980.011
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	13.546.541.798	13.546.541.798
Khấu hao trong năm	-	760.005.246	760.005.246
Số dư cuối năm	-	14.306.547.044	14.306.547.044
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	8.092.241.500	6.009.196.713	14.101.438.213
Tại ngày cuối năm	8.092.241.500	5.249.191.467	13.341.432.967

Bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc tại Tòa nhà VFC Tower tại số 29 Tôn Đức Thắng, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh của Công ty được sử dụng để cho thuê làm văn phòng.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

Doanh thu và giá vốn tương ứng của hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư này được trình bày lần lượt tại Thuyết minh số 25 và 26.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	10.000.000.000	12.839.263.158
	10.000.000.000	12.839.263.158

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh do chênh lệch khi hợp nhất kinh doanh	14.241.139.412	15.318.879.626
	14.241.139.412	15.318.879.626

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Công ty TNHH Syngenta Việt Nam	176.804.737.381	-
Itochu Chemical Frontier Corporation	28.515.647.160	47.711.893.320
Sontom Group Limited (trước đây là King Elong Group Limited)	13.085.102.160	23.273.894.880
Intech Organics Australia Pty, Ltd.	5.300.721.920	16.562.106.076
Các đối tượng khác	28.456.305.122	33.436.642.106
	252.162.513.743	120.984.536.382

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm (VND)	Số phải nộp trong năm (VND)	Số đã thực nộp trong năm (VND)	Số cuối năm (VND)
Thuế giá trị gia tăng	774.248.617	76.978.371.683	68.935.489.146	8.817.131.154
Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.272.488.143	90.830.749.547	82.212.679.332	56.890.558.358
Thuế thu nhập cá nhân	7.553.082.375	47.416.663.581	50.458.768.972	4.510.976.984
Thuế khác	1.894.813.843	16.387.788.684	17.588.964.897	693.637.630
	58.494.632.978	231.613.573.495	219.195.902.347	70.912.304.126

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Chi phí theo chính sách bán hàng nông dược	16.669.175.576	142.932.270.000
Hoa hồng môi giới	10.091.871.464	7.013.655.837
Khác	4.736.382.017	1.170.897.013
	31.497.429.057	151.116.822.850

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
a. Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả	9.260.787.500	6.747.422.500
Thù lao Hội đồng Quản trị	2.075.289.456	6.226.986.246
Phải trả nhân viên (i)	2.802.880.000	3.870.320.000
Nhận đặt cọc	3.382.803.370	-
Kinh phí công đoàn	947.770.918	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.056.233.184	4.890.578.236
	21.525.764.428	21.735.306.982
b. Dài hạn		
Nhận đặt cọc	1.518.582.885	611.685.770
	1.518.582.885	611.685.770

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản phải trả nhân viên phản ánh khoản tiền gốc và lãi nhận huy động từ các cán bộ công nhân viên Công ty để đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Hải Yến mà chưa hoàn trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Số dư đầu năm	76.429.489.983	41.495.999.377
Tăng trong năm	19.239.762.564	61.026.186.852
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	17.843.732.564	60.583.836.852
- Tăng khác	1.396.030.000	442.350.000
Giảm trong năm	(29.766.649.000)	(26.092.696.246)
- Chi quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	(29.766.649.000)	(26.091.105.259)
- Giảm khác	-	(1.590.987)
Số dư cuối năm	65.902.603.547	76.429.489.983

21. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm (VND)	Trong năm (VND)		Số cuối năm (VND)
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	166.839.636.896	273.110.245.353	352.500.821.249	87.449.061.000
Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (i)	23.083.580.520	87.449.061.000	23.083.580.520	87.449.061.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch (ii)	-	90.000.000.000	90.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	119.510.893.129	-	119.510.893.129	-
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	24.245.163.247	95.661.184.353	119.906.347.600	-
Vay đối tượng khác	5.546.255.683	7.483.000.000	13.029.255.683	-
Công đoàn Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	5.546.255.683	7.483.000.000	13.029.255.683	-
	172.385.892.579	280.593.245.353	365.530.076.932	87.449.061.000

(i) Phản ánh khoản vay tín chấp từ Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số HDTD.021/SCB.HCM/2020 ngày 20 tháng 5 năm 2021 với hạn mức 3.900.000 USD để cung cấp vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn cấp tín dụng là 1 năm kể từ ngày 17 tháng 5 năm 2025 theo thư gia hạn ngày 16 tháng 5 năm 2025. Các khoản vay có kỳ hạn không vượt quá 6 tháng và lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong các Giấy nhận nợ. Lãi suất áp dụng cho dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 4,1%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 3,4%/năm).

(ii) Phản ánh khoản vay tín chấp từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch theo Hợp đồng cho vay hạn mức số KH1-250259/HĐCVHM/VFC ngày 14 tháng 4 năm 2025 với hạn mức 90.000.000.000 VND để cung cấp vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 17 tháng 4 năm 2026. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư khoản vay tại ngân hàng này là 0 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (VND)	Tổng cộng (VND)
Số dư đầu năm trước	417.146.140.000	(20.000.000)	203.462.343.942	20.061.904.659	604.977.199.204	-	1.245.627.587.805
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	470.136.174.448	1.134.431.785	471.270.606.233
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	131.610.666.667	131.610.666.667
Thay đổi lợi ích sau phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	24.660.769.647	(24.660.769.647)	
Chia cổ tức, lợi nhuận bằng tiền	-	-	-	-	(125.137.842.000)	(51.464.007.955)	(176.601.849.955)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(55.280.012.721)	(5.303.824.131)	(60.583.836.852)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	10.607.648.263	-	(10.607.648.263)	-	
Trích quỹ hoạt động xã hội, từ thiện	-	-	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-	-
Trích thưởng và thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(2.363.280.474)	-	(2.363.280.474)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(3.087.200.084)	-	-	(3.087.200.084)
Khác	-	-	-	-	3.659.234	-	3.659.234
Số dư đầu năm nay	417.146.140.000	(20.000.000)	214.069.992.205	21.974.704.575	901.389.019.075	51.316.496.719	1.605.876.352.574
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	337.129.053.469	4.765.787.465	341.894.840.934
Chia cổ tức, lợi nhuận bằng tiền (i)	-	-	-	-	(208.563.070.000)	(4.000.000.000)	(212.563.070.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	(17.281.618.435)	(558.749.974)	(17.840.368.409)
Trích quỹ đầu tư phát triển (ii)	-	-	1.392.351.737	-	(1.392.351.737)	-	-
Trích quỹ hoạt động xã hội, từ thiện (ii)	-	-	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	(2.627.889.854)	-	-	(2.627.889.854)
Khác	-	-	-	-	(4.441.852)	-	(4.441.852)
Số dư cuối năm nay	417.146.140.000	(20.000.000)	215.462.343.942	24.346.814.721	1.006.276.590.520	51.523.534.210	1.714.735.423.393

(i) Trong năm, Công ty và công ty con thực hiện chi trả cổ tức, lợi nhuận từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2024 và tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận năm 2025 theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và Quyết định của Hội đồng Thành viên. Chi tiết như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Công ty	Nội dung	Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông/ Quyết định Hội đồng Thành viên	Phương tiện vận tải (VND)	Ngày chốt quyển	Ngày thanh toán cổ tức	Số tiền
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	Chia cổ tức đợt 2 năm 2024	Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2024 ngày 25 tháng 4 năm 2024	Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐQT ngày 06 tháng 3 năm 2025	19/3/2025	04/4/2025	41.712.614.000
	Chia cổ tức đợt 3 năm 2024	Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2024 ngày 25 tháng 4 năm 2024	Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 4 năm 2025	16/5/2025	28/5/2025	125.137.842.000
	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025	Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2025 ngày 25 tháng 4 năm 2025	Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 7 năm 2025	05/8/2025	20/8/2025	41.712.614.000
Công ty TNHH Hải Yến	Chi trả lợi nhuận sau thuế	Quyết định số 38/QĐ-SBC ngày 24 tháng 6 năm 2025		24/6/2025	Trước 30/6/2025	12.000.000.000
Tổng cộng						220.563.070.000
Trong đó:						
Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho cổ đông Công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát						212.563.070.000

(ii) Việc trích lập các quỹ thực hiện theo các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty và Quyết định của Hội đồng Thành viên của công ty con. Chênh lệch giữa số tiền tạm trích các quỹ trên báo cáo tài chính năm trước và số tiền theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông đã được trích bổ sung/điều chỉnh trên báo cáo tài chính năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Cổ phiếu

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.714.614	41.714.614
Cổ phiếu phổ thông	41.714.614	41.714.614
Cổ phiếu quỹ	(2.000)	(2.000)
Cổ phiếu phổ thông	(2.000)	(2.000)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.712.614	41.712.614
Cổ phiếu phổ thông	41.712.614	41.712.614

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 32 ngày 31 tháng 7 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 417.146.140.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 417.146.140.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần PAN Farm	213.791.910.000	51,251%	213.791.910.000	51,251%
Các cổ đông khác	203.334.230.000	48,744%	203.334.230.000	48,744%
	417.126.140.000	99,995%	417.126.140.000	99,995%
Cổ phiếu quỹ	20.000.000	0,005%	20.000.000	0,005%
	417.146.140.000	100%	417.146.140.000	100%

23. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	13.574,83	35.131,81

Tài sản thuê ngoài

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	229.300.000	671.393.443
Trên 1 năm đến 5 năm	357.500.000	310.000.000
	586.800.000	981.393.443

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê địa điểm kinh doanh, thuê nhà cho nhân viên của Công ty theo các hợp đồng thuê có thời hạn từ 1 đến 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo các ngành kinh doanh dựa trên các sản phẩm dịch vụ như sau:

- 1. Bộ phận nông dược: Chuyên sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ thuốc khử trùng, nông dược;
- 2. Bộ phận dịch vụ khử trùng và Pestman: Chuyên cung cấp dịch vụ liên quan đến khử trùng và Pestman;
- 3. Bộ phận cho thuê bất động sản đầu tư: Chuyên cho thuê văn phòng;
- 4. Bộ phận dịch vụ khách sạn: Chuyên cung cấp dịch vụ khách sạn, nhà hàng.

Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Nông dược (VND)	Dịch vụ Khử trùng và Pestman (VND)	Cho thuê bất động sản đầu tư (VND)	Dịch vụ khách sạn (VND)	Tổng bộ phận đã báo cáo (VND)
Số dư cuối năm					
Tài sản bộ phận	1.933.131.992.425	282.025.019.503	13.341.432.967	205.646.644.121	2.434.145.089.016
Tổng Tài sản	1.933.131.992.425	282.025.019.503	13.341.432.967	205.646.644.121	2.434.145.089.016
Nợ phải trả bộ phận	641.938.675.550	24.509.870.336	1.885.078.245	36.834.902.080	705.168.526.211
Tổng Nợ phải trả	641.938.675.550	24.509.870.336	1.885.078.245	36.834.902.080	705.168.526.211
Số dư đầu năm					
Tài sản bộ phận	1.987.918.166.383	284.216.527.720	15.385.198.841	208.257.699.115	2.495.777.592.059
Tổng Tài sản	1.987.918.166.383	284.216.527.720	15.385.198.841	208.257.699.115	2.495.777.592.059
Nợ phải trả bộ phận	804.262.653.014	43.780.923.392	2.868.333.747	38.989.329.332	889.901.239.485
Tổng Nợ phải trả	804.262.653.014	43.780.923.392	2.868.333.747	38.989.329.332	889.901.239.485

Việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp, không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Công ty không trình bày báo cáo các bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng hiện tại Công ty hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	Nông được (VND)	Dịch vụ Khử trùng và Pestman (VND)	Cho thuê bất động sản đầu tư (VND)	Dịch vụ khách sạn (VND)	Tổng bộ phận đã báo cáo (VND)
Năm nay					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.808.463.078.399	618.888.919.026	13.744.465.905	89.119.736.824	3.530.216.200.154
Chi phí hoạt động kinh doanh	2.291.137.493.374	345.414.821.259	760.005.246	38.267.895.069	2.675.580.214.948
Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận	517.325.585.025	273.474.097.767	12.984.460.659	50.851.841.755	854.635.985.206
Chi phí không phân bổ					440.786.449.959
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					413.849.535.247
Lỗ khác					(787.513.954)
Kết quả từ hoạt động tài chính					21.425.092.133
Lợi nhuận trước thuế					434.487.113.426
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và hoãn lại					92.592.272.492
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					341.894.840.934
Năm trước					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.911.927.117.041	551.066.298.481	13.462.913.144	20.805.094.165	3.497.261.422.831
Chi phí hoạt động kinh doanh	2.237.333.172.624	337.611.078.393	760.005.246	12.743.963.163	2.588.448.219.426
Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận	674.593.944.417	213.455.220.088	12.702.907.898	8.061.131.002	908.813.203.405
Chi phí không phân bổ					530.211.226.025
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					378.601.977.380
Lợi nhuận khác					2.109.585.454
Kết quả từ hoạt động tài chính					189.824.403.326
Lợi nhuận trước thuế					570.535.966.160
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và hoãn lại					99.265.359.927
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					471.270.606.233

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	2.994.825.974.021	3.221.981.728.693
Doanh thu cung cấp dịch vụ	661.360.040.117	571.871.392.646
Doanh thu dịch vụ cho thuê	13.744.465.905	13.462.913.144
	3.669.930.480.043	3.807.316.034.483
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	139.714.279.889	310.054.611.652
	139.714.279.889	310.054.611.652
Doanh thu thuần	3.530.216.200.154	3.497.261.422.831
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 33)	5.076.493.270	3.514.970.564

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Giá vốn thành phẩm và hàng hóa	2.294.563.551.597	2.247.478.210.520
Giá vốn dịch vụ cung cấp	383.682.716.328	350.355.041.556
Giá vốn dịch vụ cho thuê	760.005.246	760.005.246
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.426.058.223)	(10.145.037.896)
	2.675.580.214.948	2.588.448.219.426

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chi phí nguyên vật liệu	511.898.010.805	737.065.340.545
Chi phí nhân viên	389.094.424.952	494.023.165.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.834.138.986	47.443.200.282
Chi phí khấu hao và hao mòn	27.495.333.528	22.119.190.955
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	2.325.775.881	(9.226.375.805)
Chi phí khác	141.502.768.039	98.151.508.620
	1.146.150.452.191	1.389.576.029.847

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	30.271.550.378	30.153.534.296
Lãi chậm thanh toán	18.283.920.842	11.949.094.986
Chiết khấu thanh toán	14.190.343.703	29.084.853.743
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	898.507.259	2.417.301.007
Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu khi hợp nhất kinh doanh	-	54.519.985.860
	63.644.322.182	128.124.769.892
Trong đó: Doanh thu tài chính với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 33)	19.117.808.219	22.652.028.371

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chiết khấu thanh toán	36.547.294.117	31.839.405.812
Chi phí lãi vay	3.927.441.860	6.103.281.091
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.744.494.072	3.927.108.997
Chi phí tài chính liên quan đến huy động vốn nhân viên đầu tư công ty con	-	65.131.918.139
	42.219.230.049	107.001.714.039
Trong đó: Chi phí lãi vay với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 33)	-	162.912.563

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	205.636.403.229	311.490.801.722
Chi phí quảng bá sản phẩm	67.492.501.200	67.080.753.462
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.839.242.308	29.937.739.500
Chi phí khấu hao	6.729.340.493	6.211.331.446
Chi phí khác	26.058.088.692	24.312.648.404
	336.755.575.922	439.033.274.534
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	57.370.931.619	67.049.298.664
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.728.662.419	7.240.633.709
Chi phí khấu hao	3.178.047.529	3.000.114.570
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	5.751.834.104	918.662.091
Chi phí khác	21.001.398.366	12.969.242.457
	104.030.874.037	91.177.951.491

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	86.596.204.176	87.217.323.327
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	4.234.545.371	602.000
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	90.830.749.547	87.217.925.327
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
(Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh do chênh lệch khi hợp nhất kinh doanh	(1.077.740.213)	15.318.879.626
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	12.839.263.158	9.567.818.132
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(10.000.000.000)	(12.839.263.158)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.761.522.945	12.047.434.600

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay (VND)	Năm trước (Trình bày lại) (VND)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	337.129.053.469	470.136.174.448
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng và thù lao Hội đồng Quản trị (VND)	(16.164.118.484)	(48.156.509.037)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	320.964.934.985	421.979.665.411
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	41.712.614	41.712.614
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	7.695	10.116

Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng và thù lao Hội đồng Quản trị năm 2025 được trích trong năm trên cơ sở tạm tính, do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 có thể thay đổi theo phê duyệt.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được xác định lại trên cơ sở tính toán quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị năm 2024 được Đại hội đồng cổ đông Công ty mẹ phê duyệt trong năm 2025.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được điều chỉnh như sau:

	Số đã báo cáo (VND)	Số trình bày lại (VND)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	470.136.174.448	470.136.174.448
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng và thù lao Hội đồng Quản trị (VND)	(47.035.644.932)	(48.156.509.037)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	423.100.529.516	421.979.665.411
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	41.712.614	41.712.614
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	10.143	10.116

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Pan	Công ty mẹ tối cao
Công ty Cổ phần PAN Farm	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vinaseed Hà Nội	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Tây	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bibica	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Bibica Hà Nội	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans	Công ty trong cùng Tập đoàn

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu nông sản Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Công nghệ sinh học Mùa xuân	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Cà Ná	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre	Công ty trong cùng Tập đoàn
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch Hội đồng Quản trị/Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 29 tháng 4 năm 2025)
Ông Trương Công Cứ	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (từ ngày 25 tháng 4 năm 2025)/Tổng Giám đốc (đến ngày 25 tháng 4 năm 2025)
Ông Đào Xuân Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Ngọc Phương	Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên mật thiết trong gia đình của Chủ tịch Hội đồng Quản trị (đến ngày 29 tháng 4 năm 2025)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.076.493.270	3.514.970.564
Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	1.208.910.000	647.820.000
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	1.063.290.000	679.530.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	999.460.144	1.018.906.564
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	654.196.500	433.215.000
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Tây	402.591.000	261.023.000
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	256.058.000	234.661.000
Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu nông sản Việt Nam	184.183.500	-
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang	81.425.926	80.000.000
Công ty Cổ phần Bibica	73.307.200	38.965.000
Công ty TNHH Công nghệ sinh học Mùa Xuân	66.405.000	-
Công ty TNHH MTV Bibica Hà Nội	42.400.000	42.300.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre	19.600.000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Cà Ná	14.100.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An	8.000.000	33.000.000
Công ty Cổ phần PAN Farm	2.200.000	4.000.000
Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans	366.000	13.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vinaseed Hà Nội	-	28.350.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.102.085.458	5.655.827.746
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	3.855.179.786	5.655.827.746
Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu nông sản Việt Nam	221.085.000	-

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang	21.654.007	-
Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans	4.166.665	-
Công ty trả tiền đã mượn cho cá nhân	-	3.143.700.000
Ông Trương Công Cứ	-	1.232.550.000
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	-	1.161.900.000
Bà Phạm Thị Ngọc Phương	-	293.850.000
Ông Đào Xuân Trọng	-	272.250.000
Ông Nguyễn Hoàng Anh	-	183.150.000
Cho vay	350.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	350.000.000.000	-
Thu hồi gốc vay	350.000.000.000	450.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	350.000.000.000	450.000.000.000
Lãi cho vay	19.117.808.219	22.652.028.371
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	19.117.808.219	22.652.028.371
Chi phí lãi vay	-	162.912.563
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	-	60.211.886
Ông Trương Công Cứ	-	63.873.105
Bà Phạm Thị Ngọc Phương	-	15.227.871
Ông Đào Xuân Trọng	-	14.108.517
Ông Nguyễn Hoàng Anh	-	9.491.184
Chia cổ tức	106.895.955.000	42.758.382.000
Công ty Cổ phần PAN Farm	106.895.955.000	42.758.382.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	300.044.760	272.231.592
Công ty TNHH MTV Bibica Miền Tây	108.842.400	49.619.600
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	108.780.000	201.264.000
Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu nông sản Việt Nam	53.261.280	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	11.854.080	12.167.992
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang	7.020.000	-
Công ty TNHH Công nghệ sinh học Mùa xuân	5.643.000	-
Công ty TNHH MTV Bibica Hà Nội	4.644.000	4.644.000
Công ty Cổ phần Bibica	-	3.348.000
Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans	-	1.188.000

Thu nhập, thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

a. Hội đồng quản trị:

Tên	Chức vụ	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Ông Trương Công Cứ	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	1.195.060.959	1.386.745.978
Ông Trần Văn Dũng	Thành viên HĐQT	1.195.060.959	1.260.687.253
Ông Mai Tuấn Anh	Thành viên độc lập	1.195.060.959	1.310.687.253
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên HĐQT	1.195.060.959	1.260.687.253
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2025)	1.303.567.056	1.386.745.978
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024)	-	1.310.687.253
		6.083.810.892	7.916.240.968

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

b. Ban kiểm soát:

Tên	Chức vụ	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	227.000.000	140.000.000
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	80.000.000	-
Ông Bùi Quang Anh	Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	80.000.000	-
Ông Võ Văn Quốc	Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	148.000.000	280.000.000
Bà Phan Thị Bích Lan	Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)	67.000.000	140.000.000
		602.000.000	560.000.000

c. Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác:

Tên	Chức vụ	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Ông Trương Công Cứ	Người đại diện pháp luật	7.440.550.700	6.442.912.782
Ông Trần Văn Dũng	Tổng Giám Đốc	6.348.485.601	5.147.950.226
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Phó Tổng Giám Đốc (miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2025)	4.819.968.300	6.335.212.782
Ông Đào Xuân Trọng	Phó Tổng Giám Đốc	3.077.978.000	2.362.111.391
Ông Nguyễn Phước Tâm	Phó Tổng Giám Đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2025)	160.000.000	-
Bà Phạm Thị Ngọc Phương	Kế toán trưởng	2.367.563.600	1.681.599.417
		24.214.546.201	21.969.786.598

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TT)

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Số tiền đi vay thực thu và gốc vay thực trả trong năm

Tiền thu từ đi vay và tiền trả nợ gốc vay không bao gồm 185.661.184.353 VND (năm 2024: 555.469.344.453 VND) là số tiền thu và thanh toán các khoản vay có thời hạn dưới 3 tháng.

35. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2025 ngày 25 tháng 4 năm 2025 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2026/NQ-HĐQT ngày 09 tháng 3 năm 2026, Hội đồng Quản

trị Công ty đã thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2025 bằng tiền cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10% trên mệnh giá cổ phiếu, tương đương 1.000 VND/cổ phiếu. Ngày đăng ký cuối cùng theo thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là ngày 26 tháng 3 năm 2026.



Phạm Thị Ngọc Phương
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Trần Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2026



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2026
XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TRƯỞNG CÔNG CỬ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 29 Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh
Tel: (028) 3822 8097
Email: info@vfc.com.vn
Website: www.vfc.com.vn

